

2017

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

NĂM CỦA NHỮNG THÁCH THỨC

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn F.I.T
fitgroup.com.vn





01

TỔNG QUAN

Thông điệp từ Chủ tịch	06
Tổng quan doanh nghiệp	10
Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản 2016-2017	16

02

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Môi trường kinh tế vĩ mô	22
Mô hình hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn	26
Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và đánh giá tình hình hoạt động trong mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của tập đoàn	29
Định hướng phát triển	34

03

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sơ đồ tổ chức hoạt động của tập đoàn	38
Tổ chức nhân sự	40
Chính sách đối với người lao động	46
Trách nhiệm đối với cộng đồng tại địa phương	46
Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 17/10/2017	47
Các đợt tăng vốn điều lệ	47
Cấu trúc của các công ty trong tập đoàn	48
Báo cáo của Hội đồng quản trị	50
Báo cáo Hoạt động của Ban điều hành	55
Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát	58
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD	61
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan với Công ty niêm yết	61

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

TỔNG QUAN

THÔNG điệp từ CHỦ TỊCH

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN 2016-2017

01

THÔNG DIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN F.I.T



Ông **NGUYỄN VĂN SANG**
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Công ty CP Tập đoàn F.I.T

Kính thưa Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư!

Một năm trước, Hội Đồng Quản Trị đã đặt nền móng cho chiến lược đẩy mạnh tái cấu trúc Tập Đoàn, tập trung vào những mảng kinh doanh thế mạnh và tiềm năng. Đó thực sự là một thời điểm quyết định. Và chúng ta quyết định vì những lợi ích dài hạn của cổ đông.

Tôi hân hạnh được báo cáo rằng những kế hoạch chiến lược mà chúng ta thực hiện trong một năm qua đã giúp chúng ta có những chuyển biến mạnh mẽ: định hình mô hình kinh doanh tập trung vào các lĩnh vực chính bao gồm dược phẩm, thực phẩm, nước giải khát và hàng tiêu dùng và dần loại bỏ những ngành kinh doanh không hiệu quả. Đặc biệt, chúng ta đã đầu tư mạnh mẽ để trở thành một Tập Đoàn minh bạch hơn, thân thiện hơn với người tiêu dùng và nhà đầu tư.

NHỮNG HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC ĐƯỢC CỤ THỂ HÓA TRONG NĂM QUA CÓ THỂ KỂ ĐẾN BAO GỒM:

Trong lĩnh vực Dược Phẩm: tiến hành thu tóm thành công Công ty Cổ phần Dược phẩm Euviphar, nhằm tiếp cận các dòng sản phẩm mới và hạ tầng cơ sở vật chất nhà máy; xây dựng nhà máy sản xuất viên nang tại Công ty cổ phần Dược Cửu Long (DCL) nhằm nâng công suất lên gấp 3 lần, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Đặc biệt, chúng ta đã cùng với SCIC thành lập liên doanh Công ty Cổ Phần Thuốc ung thư Benovas, trong đó SCIC giữ 29% cổ phần, nhằm sản xuất và phân phối thuốc chữa bệnh ung thư tại Việt nam. Nhà máy đang trong giai đoạn triển khai theo kế hoạch và khi hoàn thành DCL được kỳ vọng sẽ là công ty đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực đặc thù này.

Trong lĩnh vực Thực Phẩm: đáng kể là việc chúng ta thực hiện đầu tư vào hệ thống cấp đông mới tại Westfood, giúp tăng công suất từ 2,7 lên 4,2 tấn mỗi giờ, và quan trọng hơn, cải thiện chất lượng sản phẩm đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe từ các thị trường Nhật, Mỹ, Úc, New Zealand và Châu Âu. Bên cạnh đó, chúng ta đã đầu tư vào Nghiên cứu & Phát triển để giới thiệu những dòng sản phẩm mới không chỉ trong mảng thực phẩm, nước giải khát mà bao gồm cả hàng tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng và đa dạng của người tiêu dùng.

Về quản trị doanh nghiệp: chúng ta đã mời những nhân sự xuất sắc về làm việc cùng chúng ta. Điển hình là sự tham gia của ông Hứa Xuân Sinh, người thành danh với Thực phẩm Đức Việt và có quá nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển hệ thống phân phối và ứng dụng công nghệ trong sản xuất, trong vai trò thành viên HĐQT. Chúng ta cũng đã hoàn thành ứng dụng ERP trong quản lý của công ty con, nhằm nâng cao tính hiệu quả trong vận hành và giúp minh bạch, thân thiện hơn với những người có quyền lợi liên quan, đặc biệt là khách hàng và cổ đông.

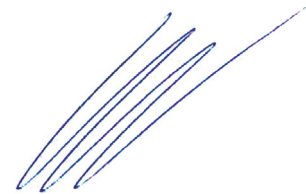
Nói ngắn gọn, chúng ta đã làm được nhiều việc trong một năm qua, và tôi cảm thấy biết ơn từng đồng nghiệp. Không có họ, những điều trên là không thể. Những nỗ lực của họ có nghĩa rằng, năm 2018, chúng ta sẽ có thể bắt đầu bước tiếp từ tái cấu trúc, tập trung vào tương lai. Cụ thể, chúng ta sẽ liên tục tìm kiếm và hiện thực hóa các cơ hội thu tóm tiềm năng trong mảng dược phẩm, thực phẩm đồ uống và hàng tiêu dùng nhằm tạo ra vị thế hàng đầu của Tập Đoàn trong các lĩnh vực này. Đồng thời, chúng ta sẽ từng bước đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, tăng trưởng doanh thu và các chỉ tiêu tài chính khác.

Những kế hoạch đó không hề dễ dàng, nhưng chúng ta sẽ quyết tâm để làm được. Bằng việc lắng nghe khách hàng, cổ đông và đơn giản hóa trong từng việc chúng ta làm, tôi tin tưởng rằng chúng ta đang thực thi một chiến lược đúng đắn để xây dựng Tập Đoàn hiệu quả hơn, bền vững hơn, minh bạch hơn. Trong triết lý quản trị của Tập Đoàn, tất cả những gì chúng ta làm với tư cách một Tập Đoàn được xây dựng dựa trên sự hiểu biết về nhu cầu khách hàng và các quyết định đều bắt đầu từ đây. Với triết lý hiểu để phục vụ khách hàng, tôi tin rằng chúng ta sẽ thành công.

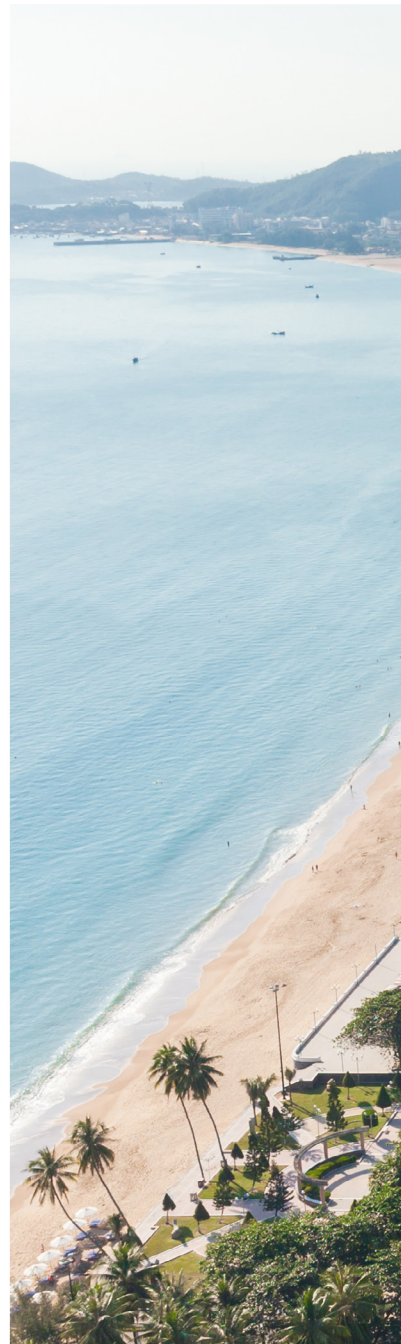
Sở dĩ tôi có thể tự tin như vậy là vì tôi nhận thấy sự cam kết và tận tâm của đội ngũ nhân sự với Tập Đoàn và khách hàng. Khi làm việc với những con người của Tập Đoàn, bất kể vai trò gì, ở đâu, cấp nào, công ty thành viên nào, tôi luôn ngạc nhiên về khả năng cũng như sự tận tâm cống hiến mà họ đã thể hiện. Sự cống hiến đó là một trong những tài sản lớn nhất, và đó chính là nền tảng cho tương lai của Tập Đoàn. Tôi mong chờ được thảo luận về tương lai Tập Đoàn nhiều hơn với Quý vị trong kỳ họp Đại Hội Cổ Đông sắp tới.

Chúc Quý vị một năm mới An Khang, Thịnh Vượng!

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T



NGUYỄN VĂN SANG



TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2007



Thành lập **Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T** tiên thân của Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T

2012



Sau 5 năm thành lập, **F.I.T** tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 350 tỷ đồng, Tập trung chính vào hoạt động tài chính và tư vấn đầu tư.

Đầu tư liên kết với **Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam**, đặt nền móng cho Công ty "Holding" trong tương lai.

2013



Niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán HNX - mã cổ phiếu **FIT**

2014



F.I.T sở hữu chi phối TSC - **Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ** (bao gồm các công ty con là **CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây - Westfood**, **Công ty Cổ phần Nông dược TSC**)

2015



Trở thành cổ đông chi phối của **Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long**.

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa (VIKODA) trở thành công ty liên kết

2017



Tăng vốn điều lệ lên **2.547 tỷ đồng**.

Thâu tóm thành công **Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm** - trước đây là **Công ty liên doanh giữa Canada và Việt Nam**.

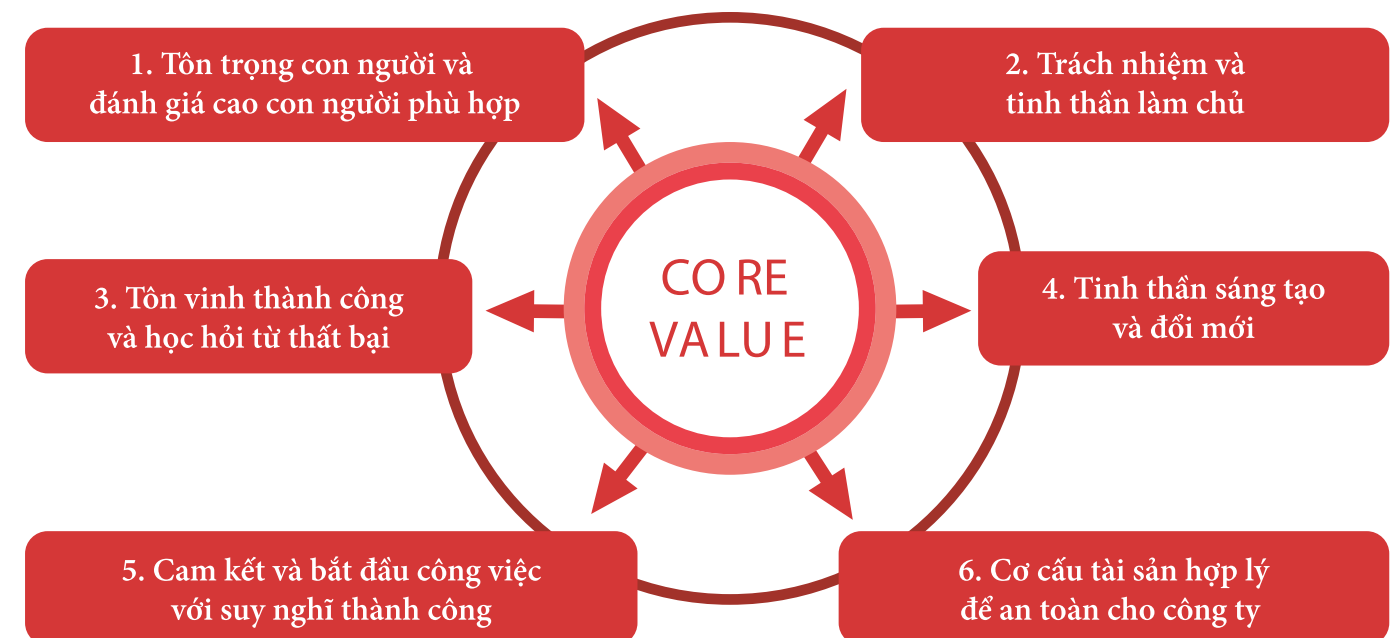
Thành lập **Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas** - Công ty đầu tiên sản xuất thuốc ung thư tại Việt Nam với công nghệ tiên tiến nhất.



TƯ TƯỞNG CỐT LÕI

F.I.T là Tập Đoàn đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua chuỗi sản phẩm từ vốn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên công ty	Công ty Cổ Phần Tập đoàn F.I.T
Ngày thành lập	08/03/2007
Mã chứng khoán	FIT
Vốn điều lệ	2.547.302.470.000 VND
Trụ sở chính	Tầng 5, tòa nhà HACCC1 Complex Building, số 35 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại	(84-4) 7309 4688
Fax	(84-4) 7309 4686
Giấy chứng nhận kinh doanh và mã số thuế	0102182140
Website	www.fitgroup.com.vn

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

Top **500** doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam **2016**

VIETNAM
TOP500
LARGEST
PRIVATE ENTERPRISES

Top **10** doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế năm **2016**

2016

Giải thưởng **Sao vàng Đất Việt** năm **2015**

2015

Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững **2014**

2014

Lãnh đạo xuất sắc Châu Á Thái Bình Dương **2014**

2014

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

2016-2017

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần

Lãi gộp
EBITDA
Lợi nhuận trước thuế
Lợi nhuận sau thuế
Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ

2017

1.625.361
384.620
213.564
164.409
112.583
106.047

2016

2.422.754
436.225
308.855
195.734
143.684
112.030

Đơn vị: Triệu đồng

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng tài sản

Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn

Tổng nợ

Nợ ngắn hạn
Nợ dài hạn

Tổng vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tập Đoàn
Vốn điều lệ

2017

4.899.489
2.421.819
2.477.670
901.611
665.919
235.692
3.997.878
2.921.707
2.547.302

2016

4.339.323
2.298.901
2.040.423
576.365
543.282
33.083
3.762.958
2.519.473
2.235.490

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

Trong đó
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động
Thay đổi vốn lưu động

Tiền thuần từ hoạt động đầu tư

Tiền thuần từ hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

EPS pha loãng (VND)
Giá trị sổ sách/ cổ phiếu (VND)
Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu

2017

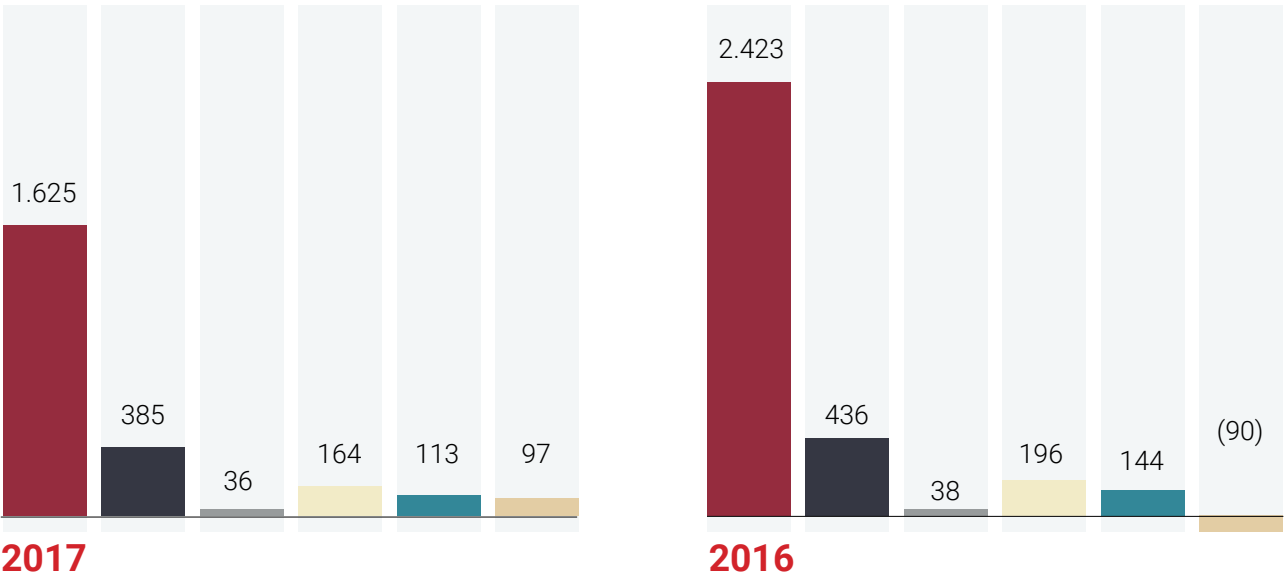
96.909
121.041
(24.132)
(757.615)
657.628
(3.079)
47.232
44.148
417
11.470
n/a

2016

(90.460)
174.799
(265.259)
(414.231)
(187.200)
(691.892)
739.124
47.232
591
11.270
n/a

Năm 2017 không phải là một năm tài chính ấn tượng nếu chỉ nhìn vào các con số tuyệt đối. Giá trị các tiêu chí trên báo cáo kết quả doanh thu đều sụt giảm so với năm 2016. Trên đồ thị 1, phía bên phải phản ánh kết quả năm 2016 và bên trái năm 2017. Các tiêu chí từ trái qua phải lần lượt là doanh thu, lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt động, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế và dòng tiền hoạt động. Số liệu cho thấy, doanh thu sụt giảm mạnh nhất, chỉ bằng 67% so với năm 2016, trong khi các chỉ tiêu khác đạt từ 80% đến 95% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, đáng chú ý là dòng tiền hoạt động lại tăng mạnh, từ âm 90 tỷ năm 2016 lên 97 tỷ năm 2017.

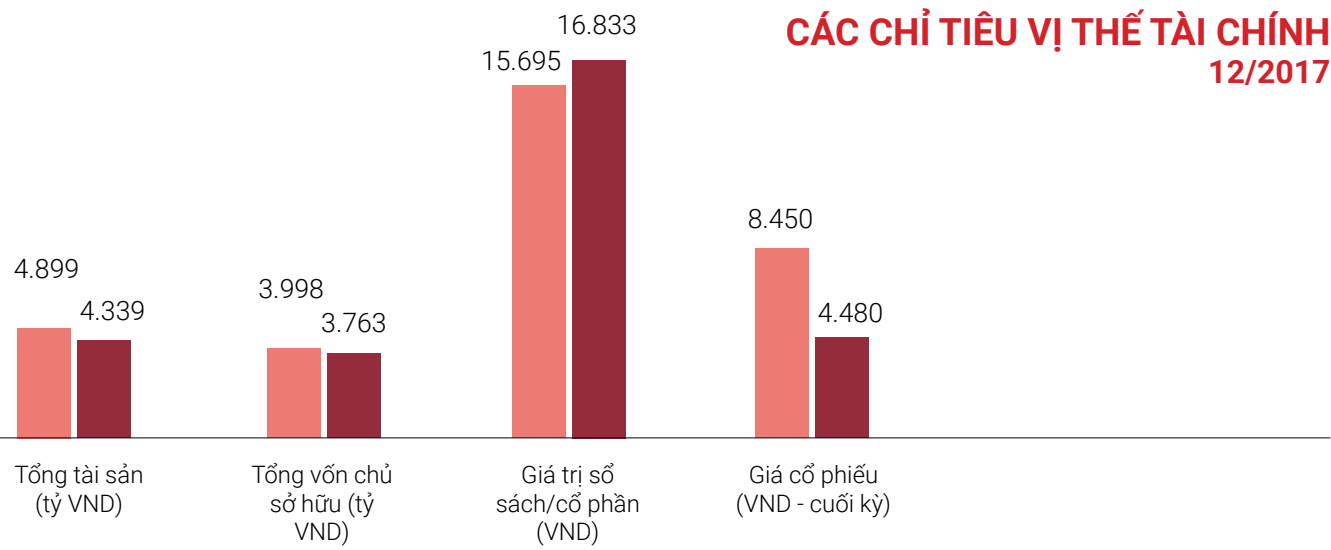
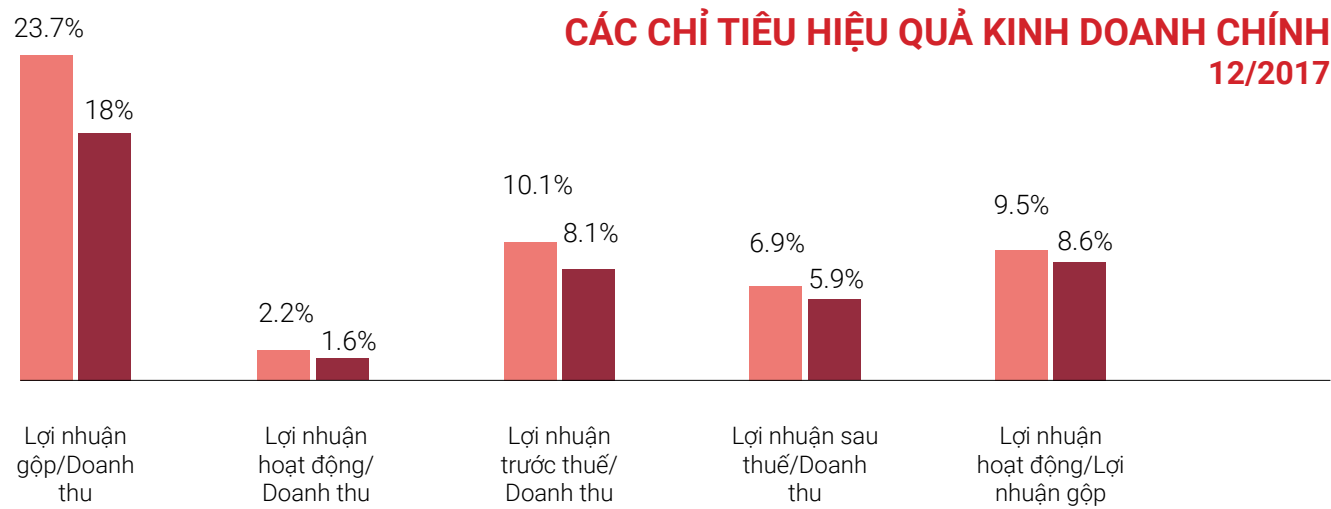
CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH



Sự sụt giảm doanh thu bắt nguồn từ việc Tập Đoàn chủ động thu hẹp hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (TSC). Tập Đoàn, thông qua TSC mẹ, đã tiến hành thoái vốn tại Nông được Cần Thơ (TSP) từ cuối năm 2016 và dừng các hoạt động thương mại của Nông Tín trong cả năm 2017. Các hoạt động thương mại và giao dịch của TSC mẹ cũng được thu hẹp. Sự sụt giảm doanh thu của nhóm TSC đã dẫn tới sự sụt giảm mạnh doanh thu của cả Tập Đoàn. Tuy vậy, sự sụt giảm doanh thu này là cần thiết vì những giá trị cổ đông trong tương lai. Tập Đoàn nhận thấy không có thể mạnh trong các mảng kinh doanh của TSC trong khi dự báo mức độ cạnh tranh thị trường sẽ rất khó khăn, dẫn tới tiềm năng không hiệu quả trong tương lai. Bên cạnh sự sụt giảm doanh thu do thu hẹp các mảng kinh doanh không có thể mạnh, sự tập trung nguồn lực vào các thể mạnh bao gồm Dược Phẩm và Thực Phẩm cũng đã kéo theo việc mua và đầu tư nhà máy mới góp phần làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Sự sụt giảm doanh thu đương nhiên dẫn tới sự sụt giảm các tiêu chí lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận hoạt động giảm từ 38 tỷ xuống 36 tỷ, hay lợi nhuận sau thuế đã giảm từ 144 tỷ xuống 113 tỷ so với năm 2016. Tuy nhiên, những sự sụt giảm này không đáng lo ngại do chúng ta đã hiểu rõ vì sao doanh thu sụt giảm. Thay vào đó, chúng ta tự hào vì tất cả các chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện. Trên đồ thị 2, tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận so với doanh thu hay lợi nhuận gộp đều cho thấy sự cải thiện đáng kể so với năm 2016. Điều này hàm ý rằng khi doanh thu trở lại tốc độ tăng trưởng thông thường sau khi các hoạt động tái cơ cấu kinh doanh và đầu tư cơ bản hoàn tất, chúng ta có thể tin rằng các tiêu chí lợi nhuận sẽ tốt hơn nhiều so với thông thường do hiệu quả hoạt động được cải thiện. Thêm vào đó, việc dòng tiền hoạt động tăng trưởng mạnh và chuyển từ âm sang dương năm 2017, trong một chừng mực nhất định, cho thấy Tập Đoàn đang hoạt động dựa trên sự an toàn hơn về mặt tài chính. Nói cách khác, Tập Đoàn đang tạo ra giá trị cổ đông nhờ sự hiệu quả hơn trong hoạt động.

Niềm tin vào giá trị cổ đông trong tương lai càng được củng cố hơn khi nhìn vào vị thế tài chính của Tập Đoàn. Trên đồ thị 3, các tiêu chí về tổng tài sản và tổng vốn sở hữu đều đã tăng trưởng tốt so với năm 2016. Giá trị sổ sách của cổ phiếu có sự giảm nhẹ năm 2017 là do Tập Đoàn phát hành cổ phiếu tăng vốn trong kỳ. Đáng chú ý, giá cổ phiếu so với cùng thời điểm cuối năm 2016 đã tăng trưởng gần 100% trong bối cảnh Tập Đoàn tái cơ cấu là một dấu hiệu tốt về việc thị trường nhìn nhận tích cực đối với giá trị tiềm năng của Tập Đoàn. Mặc dù khoảng cách với giá trị sổ sách còn khá lớn, Tập Đoàn đang và sẽ nỗ lực để giá cổ phiếu song hành với giá sổ sách và giá trị của Tập Đoàn trong tương lai.



02

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

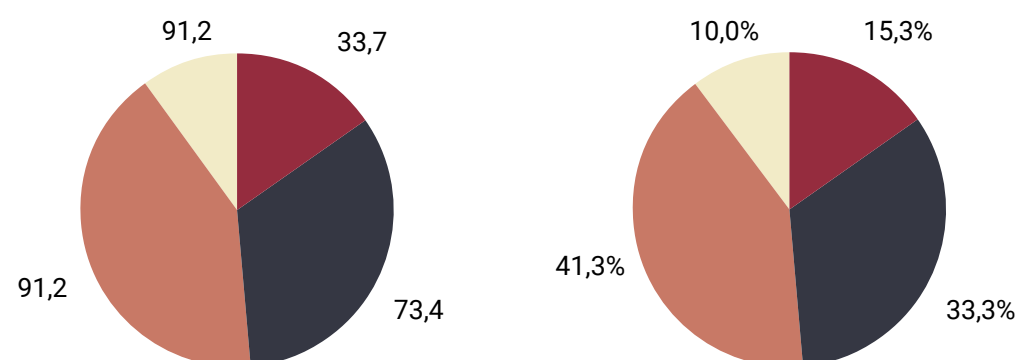
MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
TẬP ĐOÀN

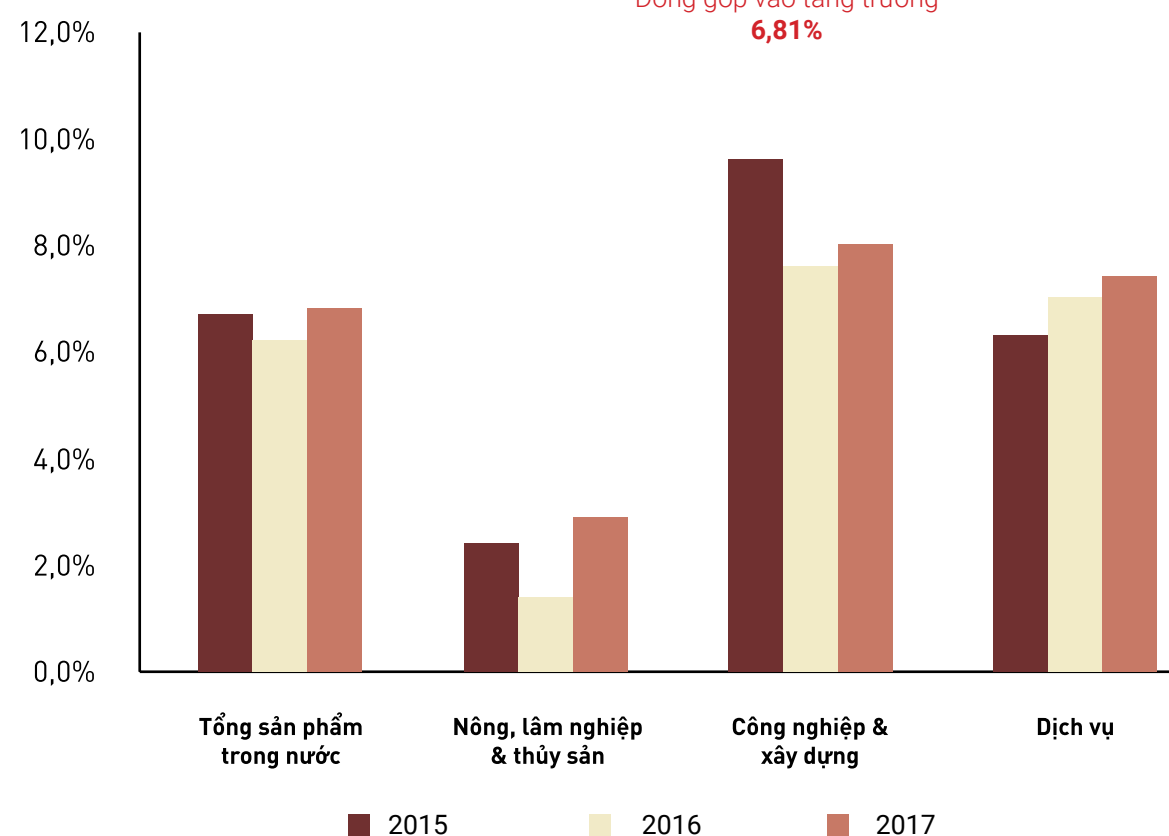
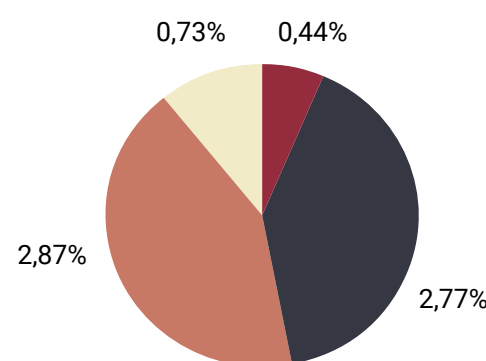
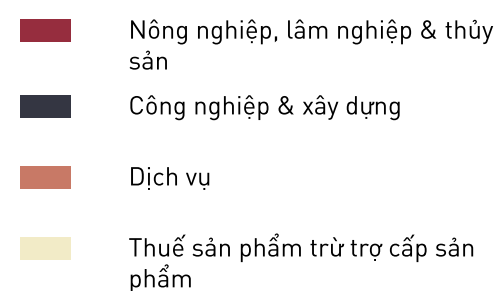
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG MỖI LĨNH VỰC SẢN
XUẤT KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ



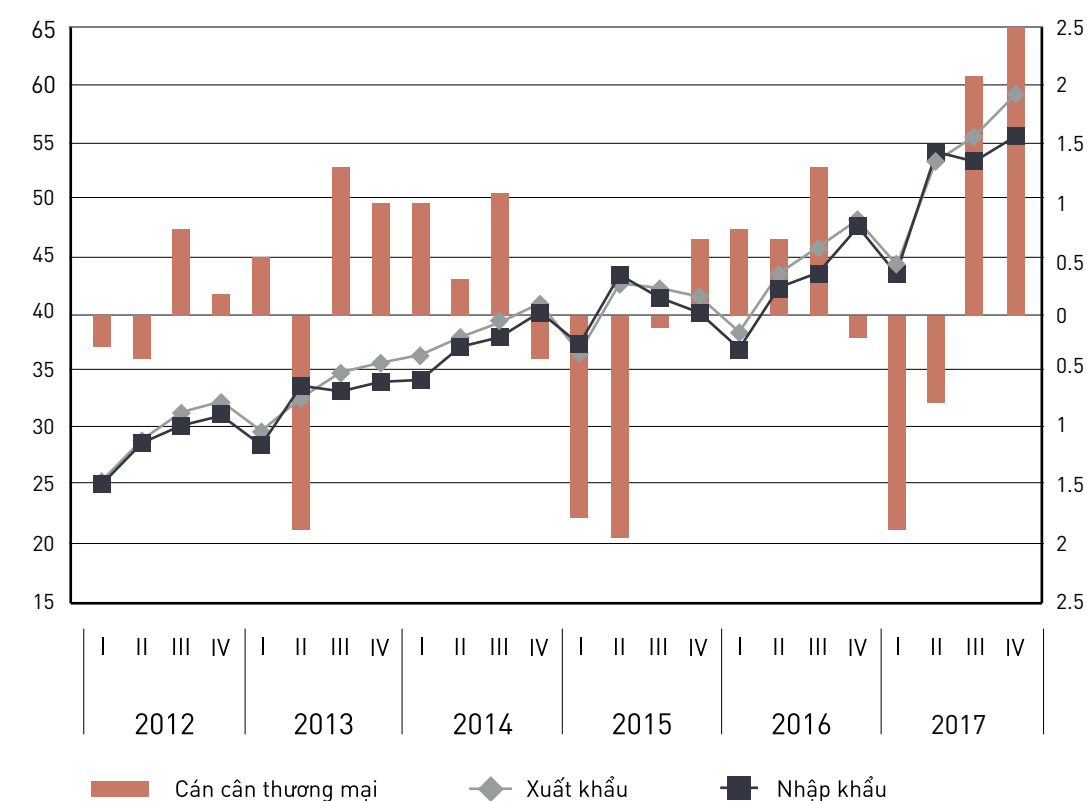
Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng mạnh tập trung trong 2 quý cuối năm, đạt 6,81% cả năm, vượt kế hoạch 6,7% đề ra đầu năm, cao nhất trong 6 năm trở lại, khẳng định đà hồi phục từ sau khủng hoảng kinh tế năm 2008 - 2011. Ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục dẫn đầu về mức tăng trưởng, sau đó đến ngành Dịch vụ. Nông, lâm nghiệp và thủy sản phục hồi mạnh ở 2 mảng nông nghiệp và thủy sản sau năm 2016 chịu ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai, tăng mạnh so với 2016 và vượt qua mức tăng trưởng 2015



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân năm 2017 đạt 17,5 tỷ USD; tăng 10,8% so với năm 2016. Tổng vốn đăng ký mới tăng mạnh 67,1% so với cùng kỳ trong quý 4 2017; cả năm 2017 tổng vốn đăng ký đạt 21,28 tỷ USD với tổng số 2,591 dự án đăng ký mới, 1/3 số dự án này là ở ngành công nghiệp chế biến chế tạo, có mức tăng trưởng cao và là động lực của cả nền kinh tế. Nhật Bản dẫn đầu trong số các đối tác đầu tư vào Việt Nam với 9,11 tỷ USD năm 2017; Hàn Quốc xếp thứ 2 với 8,49 tỷ USD và Singapore xếp thứ 3 với 5,31 tỷ USD

Biểu đồ Xuất nhập khẩu

Đơn vị: tỷ USD



Việt Nam xuất siêu nhẹ 2,67 tỷ USD cả năm 2017, chủ yếu tập trung vào 2 quý cuối năm. Hàn Quốc thay thế Trung Quốc, trở thành thị trường mà Việt Nam nhập siêu lớn nhất với 31,8 tỷ USD (do Samsung mở rộng đầu tư sản xuất tại Việt Nam nên nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị tăng mạnh). Nhập siêu từ Trung Quốc 23,2 tỷ USD, giảm so với mức 28 tỷ USD năm 2016 do xuất khẩu sang Trung Quốc tăng mạnh 60,6%. Hoa Kỳ và EU lần lượt là 2 khu vực xuất siêu của Việt Nam; lần lượt 32,4 tỷ USD và 26,3 tỷ USD; tăng 10,2% và 14,9%. Khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 26,1 tỷ USD, trong khi khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 28,8 tỷ USD.

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KINH TẾ 2017

9,4%↑

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

8%↑ 65,9%↑

Chỉ số hàng tồn kho công nghiệp

Chỉ số hàng tồn kho công nghiệp

126,9 nghìn DN

Số vốn đăng ký 1.295,9 tỷ đồng

Tăng trưởng tín dụng đến 20/12 đạt

16,96%

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,4% trong năm 2017 (tăng so với mức 7,4% của năm 2016). Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 14,5% cao nhất trong 6 năm trở lại, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng chung với 10,2 điểm phần trăm; bù đắp cho ngành khai khoáng giảm sâu 7,1% làm sụt giảm 1,5 điểm phần trăm mức tăng chung.

Nhóm chỉ số về sản xuất công nghiệp cũng cho bức tranh tích cực về khả năng phục hồi của nền kinh tế:

Chỉ số hàng tồn kho công nghiệp tăng 8% (mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua); tỉ lệ tồn kho bình quân trong kỳ chỉ là 65,9% (so với mức 66,1% của năm 2016). Chỉ số PMI ngành sản xuất liên tục duy trì trên mức 50 điểm tháng thứ 25 liên tiếp, cho thấy tín hiệu tích cực của triển vọng kinh doanh khu vực sản xuất.

Số liệu về hoạt động của doanh nghiệp cũng phản ánh xu hướng phục hồi của nền kinh tế:

Năm 2017 có 126,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 1.295,9 tỷ đồng; tăng 15,2% về số doanh nghiệp và 45,4% về vốn đăng ký so với 2016. Số doanh nghiệp hoạt động trở lại là 26,448 doanh nghiệp, tăng giảm 0,9% so với năm 2016. Số doanh nghiệp hoàn tất giải thể là 12,113 doanh nghiệp, giảm 2,9% so với năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 60,553 doanh nghiệp, giảm 0,2% so 2016.

Thị trường tiền tệ Ngân hàng: Tăng trưởng tín dụng đến 20/12 đạt 16,96% (2016: 18,71%). Huy động vốn của các NHTM 14,5% (cùng kỳ 16,88%). Tín dụng tăng nhanh so với huy động, tuy nhiên do NHNN mua vào 7,5 tỷ USD trong năm, thanh khoản hệ thống vẫn được đảm bảo, Mặt bằng lãi suất ổn định trong năm và giảm ở một số ngành do chính sách của NHNN, Tổng phương tiện thanh toán tăng 14,19%, (cùng kỳ 16,47%). Thị trường ngoại hối ổn định trong cả năm 2017, dự trữ ngoại hối của NHNN lớn kỷ lục 51,5 tỷ USD đủ sức bình ổn biến động tỷ giá trong ngắn hạn.



Tăng trưởng kinh tế bứt phá trong 2 quý cuối năm, vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra đầu năm.

Xuất nhập khẩu ghi nhận kỷ lục mới, tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu lần đầu đạt 400 tỷ USD.

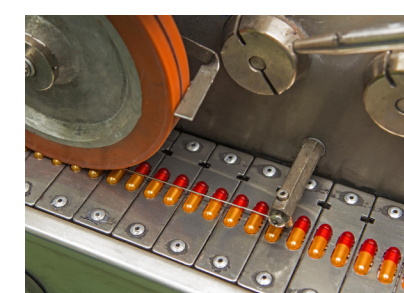
Công nghiệp chế biến chế tạo tăng trưởng tốt bù đắp suy giảm của khai khoáng. Khu vực Công nghiệp và xây dựng tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng so với nông lâm ngư nghiệp và dịch vụ.

Lạm phát 3,5%, hoàn thành mục tiêu dưới 4%. Lạm phát chủ yếu đến từ chính sách tăng giá y tế, tăng giá giáo dục và giá xăng dầu tăng trở lại.

Tỷ giá được duy trì ổn định trong năm, NHNN mua ròng mạnh USD, tăng dự trữ ngoại hối và sẵn sàng bình ổn nếu xảy ra biến động mạnh về tỷ giá.

Lãi suất được duy trì ổn định trong năm và giảm với một số lĩnh vực theo quy định của NHNN. Lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn lần lượt hạ về 4,25% và 6,25%.

Kinh tế vĩ mô nhìn chung được đánh giá là tiếp tục ổn định và tăng trưởng sẽ tạo tiền đề và nền tảng để Tập Đoàn F.I.T tiếp tục có những bước phát triển vững chắc.

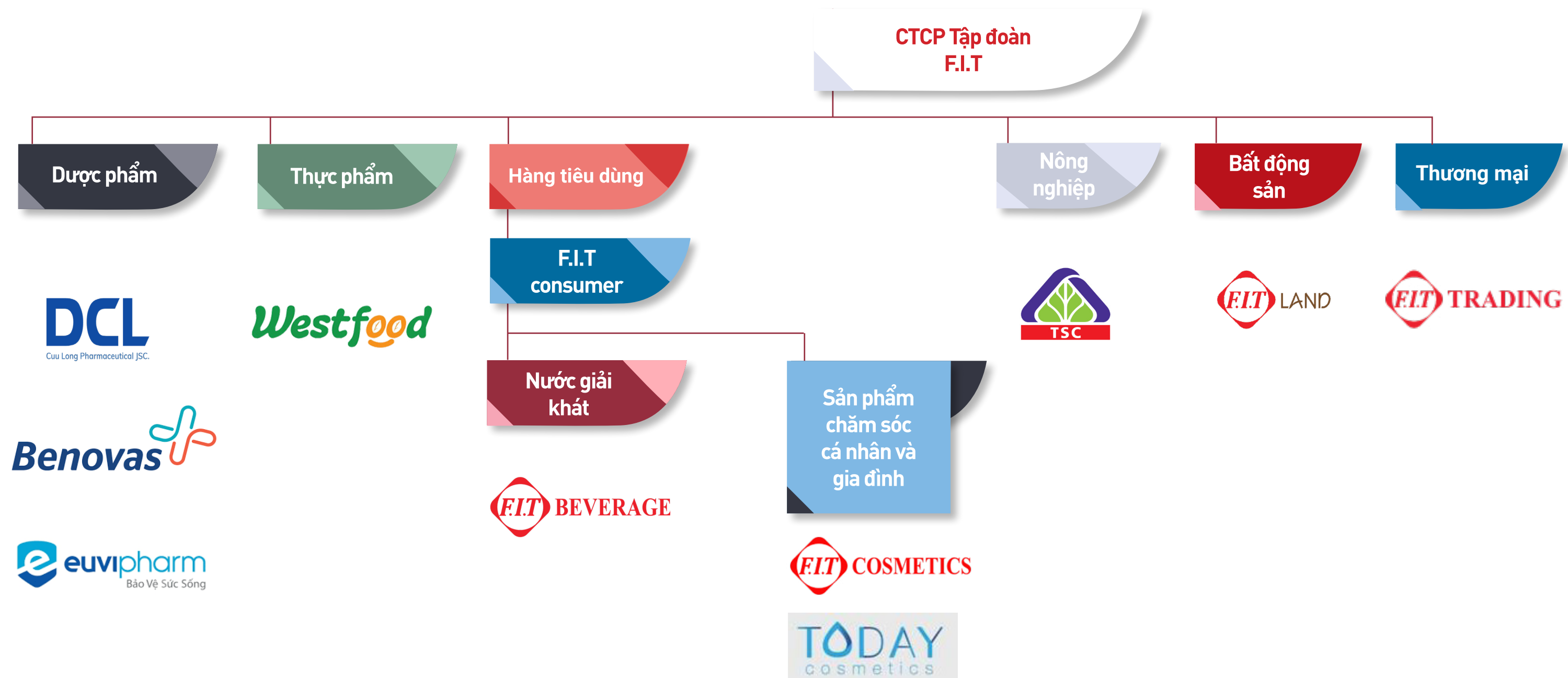


MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

CẤU TRÚC HIỆN TẠI CỦA TẬP ĐOÀN

Các lĩnh vực kinh doanh Tập Đoàn đang hoạt động bao gồm:

- Dược phẩm
- Thực phẩm
- Hàng tiêu dùng nhanh: trong đó có Nước giải khát và Sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân
- Nông nghiệp: F.I.T đã thoái vốn khỏi mảng thuốc bảo vệ thực vật, hiện tại hoạt động chính của ngành nông nghiệp là hoạt động thương mại.
- Quản lý và kinh doanh bất động sản: F.I.T vừa tham gia vào mảng hoạt động này vào cuối năm 2016.





DỮ LIỆU TÀI CHÍNH CỦA CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG THUỘC TẬP ĐOÀN

Năm 2017 chứng kiến những sự thay đổi mạnh mẽ của Tập Đoàn trong chiến lược kinh doanh nói chung. Việc thu hẹp hoạt động trong lĩnh vực không có thế mạnh và tập trung vào những mảng có lợi thế là một quyết định mang tính chiến lược. Chiến lược đó cũng dẫn tới một sự đánh đổi mang tính sống còn với tương lai của cả Tập Đoàn: vì giá trị cổ đông dài hạn, hay vì kết quả kinh doanh ngắn hạn. Sự lựa chọn vì giá trị cổ đông trong dài hạn đã dẫn tới sự sụt giảm các chỉ tiêu kinh doanh trong thời gian trước mắt, nhưng kỳ vọng sẽ mang lại những giá trị lớn cho cổ đông từ việc hiệu quả hơn trong sản xuất kinh doanh. Những kết quả của năm 2017 không ẩn tượng về mặt con số nhưng nó rất ấn tượng để phản ánh kết quả tích cực bước đầu của quá trình tái cơ cấu. Các chỉ tiêu thể hiện hiệu quả kinh doanh đã cải thiện rất nhiều so với năm 2016. Chúng ta cùng kỳ vọng rằng khi các hoạt động đầu tư và xây dựng cơ bản hoàn thành, kết quả kinh doanh và vị thế tài chính sẽ khẳng định sự đúng đắn của chiến lược tái cơ cấu mà Tập Đoàn đang theo đuổi.

Tại các mảng hoạt động chính, kết quả kinh doanh phản ánh và bám sát chiến lược chung của cả Tập Đoàn.

Chỉ tiêu/ Benchmarks	2017	2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,64	4,23
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,14	3,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,13
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,92	5,81
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,33	0,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,93%	5,93%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,82%	3,82%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,30%	3,31%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,59%	8,07%

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG MỖI LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

MẢNG DƯỢC PHẨM - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC CỬU LONG (DCL)

Công ty hiện hoạt động trong 3 mảng: Dược phẩm, Viên nang rỗng và Thiết bị y tế. Với rất nhiều nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, năm 2017 là một năm in dấu rất nhiều sự kiện cột mốc đáng nhớ.

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Vào đầu năm 2017, DCL hoàn tất thu mua Công ty Cổ phần Dược phẩm Euvipharim từ Tập đoàn Dược Phẩm Valeant của Canada giúp công ty tiếp cận với các dòng sản phẩm mới và những thay đổi mang tính chất định hướng.

Đầu tháng 3/2017, cùng với SCIC thành lập Công ty Cổ phần thuốc ung thư Benovas để trở thành nhà sản xuất thuốc chữa ung thư đầu tiên tại Việt Nam.

Vào tháng 7/2017, DCL thực hiện tái tung các sản phẩm dòng Panagal ra thị trường với nhãn mác và chất lượng tốt hơn, đánh dấu một khởi đầu cho chiến lược tái định vị thương hiệu cho hàng loạt sản phẩm khác. Các dòng sản phẩm Panalgan của DCL được sản xuất trên dây chuyền hiện đại được nhập khẩu từ Canada và Hàn Quốc với quy cách đóng gói bao bì đẹp hơn, chất lượng nguyên liệu theo chuẩn dược điển Mỹ (USP: United States Pharmacopoeia) có tác dụng giảm đau, hạ sốt, điều trị các chứng đau nhức, cảm cúm.

Vào tháng 12, thương vụ phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 20 triệu đô cho Công ty Quản lý tài sản Rhinos Asset Management, đồng thời, DCL cũng hoàn tất dự án Nhà máy Capsule III, dự án được khởi công từ tháng 3/2017 để cùng nhà máy sản xuất viên nang cũ Vicancap đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.



MẢNG DƯỢC PHẨM - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC CỬU LONG (DCL)

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Xét về hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu hợp nhất của DCL đã tăng trưởng từ 737 tỷ năm 2016 lên 765 tỷ năm 2017. Sự tăng trưởng này đến từ hợp nhất doanh thu với Công ty con Euvipharm vừa được thôn tóm trong năm. Tuy nhiên hợp nhất với Euvipharm cũng dẫn đến kết quả kinh doanh hợp nhất của DCL bị tác động vì trong quá trình chuyển giao, nhà máy Euvipharm hoạt động dưới rất nhiều so với công suất thiết kế. Lợi nhuận trước thuế ở mảng này giảm từ 113 tỷ năm 2016 xuống 98 tỷ năm 2017.

Năm 2017 chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt ở kênh thầu (ETC), giá bán của các gói thầu giảm mạnh khiến doanh số của mảng dược phẩm của DCL chịu ảnh hưởng, giảm 4.3% đạt 458 tỷ. Tuy vậy ở kênh nhà thuốc (OTC), hoạt động bán hàng tiếp tục được duy trì tốt.

Doanh thu không tăng trưởng ở mảng sản xuất viên nang mềm do nhà máy đã hoạt động ở mức 100% công suất. Từ 2018, nhà máy sản xuất viên nang mới Capsule III bắt đầu vận hành được kỳ vọng sẽ giúp mảng sản xuất này gia tăng 50% sản lượng so với năm 2017.

Ở mảng sản xuất thiết bị y tế, do nhu cầu của thị trường, nhà máy Vikimco từ năm 2016 đã chạy ở mức 100% công suất, do vậy trong năm 2017, DCL quyết định đầu tư lắp đặt thêm 2 máy ép nhựa để nâng sản lượng sản phẩm thiết bị y tế vào tháng 10/2017. Tuy vậy số liệu doanh thu của Vikimco vẫn giữ như mức của năm 2016 là do nhà máy có một số khoảng thời gian tạm dừng máy để phục vụ kiểm định GMP FDA lần đầu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO NĂM 2018 VÀ CHO CÁC NĂM TIẾP THEO

DCL sẽ ưu tiên đầu tư cho sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế, nghiên cứu sản phẩm có giá trị kinh tế cao giúp Doanh nghiệp tạo ra giá trị gia tăng. Dự án Nhà máy sản xuất thuốc ung thư tại Việt Nam là một dự án trọng điểm của Dược Cửu Long và sẽ là nền tảng vững chắc để cất cánh trong tương lai.

Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp từng thời điểm, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận kế hoạch. Thực hiện quản lý tài chính chặt chẽ, kiểm soát chi phí trong từng khâu để nâng cao hiệu quả hoạt động. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau:

- Doanh thu thuần: 963 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 86 tỷ đồng

Dược phẩm (DCL) Đơn vị tính: tỷ VND	2017	2016
Doanh thu thuần	765	737
Dược phẩm	458	479
Viên nang mềm	168	167
Thiết bị y tế	77	77
Hoạt động khác	62	14

Lợi nhuận Hoạt động	88,5	107,2
Kết quả hoạt động tài chính	(0,2)	5,5
Lợi nhuận trước thuế	98,3	113,1
Dòng tiền tự do	(103,7)	33,7
Dòng tiền hoạt động	49,8	47,4

MẢNG THỰC PHẨM - CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM MIỀN TÂY (WESTFOOD)

Hiện tại nhà máy đang có 2 dây chuyền tương ứng với 2 nhóm sản phẩm:

- Trái cây đóng hộp: dây chuyền có thể đáp ứng được nhiều kích cỡ các loại hộp. công suất 2 container 20’FLC/ngày
- Trái cây cấp đông (IQF): 5 máy IQF với tổng công suất của dây chuyền cấp đông 4.2 tấn/giờ.

Trong môi trường kinh doanh khắc nghiệt, Westfood, một trong những nhà sản xuất trái cây đóng hộp và đông lạnh hàng đầu tại Việt Nam, đã thành công trong việc tái cơ cấu chiến lược kinh doanh. Để tránh khỏi sự cạnh tranh khốc liệt từ Thái Lan, Westfood đã quyết định tái cơ cấu sản phẩm, tập trung hơn vào các sản phẩm có biên lợi nhuận cao thay cho tập trung vào tăng trưởng doanh số.

Sự sụt giảm doanh thu từ 296 tỷ năm 2016 xuống 274 tỷ năm 2017, đã không dẫn tới sự sụt giảm lợi nhuận mà ngược lại, lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận trước thuế đều tăng ấn tượng. Lợi nhuận hoạt động tăng từ 7 tỷ lên 20 tỷ và lợi nhuận trước thuế tăng từ 11 tỷ lên 21 tỷ. Như vậy, sự tích cực của chiến lược tái cơ cấu sản phẩm cũng như sự hiệu quả trong quản lý kinh doanh đã và đang được thể hiện qua các con số trong mảng này.

Thực phẩm (WESTFOOD) Đơn vị tính: tỷ VND	2017	2016
Doanh thu	273,6	295,5
Lợi nhuận Hoạt động	19,9	6,6
Kết quả hoạt động tài chính	0,7	4,2
Lợi nhuận trước thuế	20,7	10,9
Dòng tiền tự do	(18,4)	(12,7)
Dòng tiền hoạt động	5,2	26,1



Các chứng chỉ về hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng của Westfood đã đạt được



BRC



FDA



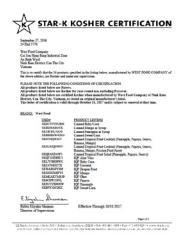
HACCP



HALAL



IFS CERTIFICATE



KOSHER

KINH DOANH SẢN XUẤT NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH
CÔNG TY CỔ PHẦN F.I.T CONSUMER

F.I.T Consumer (FC) được thành lập từ 01 tháng 01 năm 2016 để quản lý các ngành hàng tiêu dùng nhanh của Tập Đoàn F.I.T, khởi đầu với hoạt động trong ngành nước giải khát và các sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân. FC đóng vai trò như nhà phân phối sản phẩm tại thị trường Việt Nam cho các Công ty sản xuất. Các Công ty hoạt động được hợp nhất vào FC theo phương pháp hợp nhất theo vốn chủ sở hữu.

Với khoản đầu tư 49% vào Vikoda và Sao Nam. FC tập trung vào việc tái cấu trúc các Công ty thông qua cải tạo hệ thống phân phối để mở rộng độ phủ và chuyển sang mô hình bán hàng chủ động, chuyển đổi sang việc nhận diện thương hiệu mới để tăng nhận thức của người tiêu dùng về thương hiệu của Công ty, mở rộng các dòng sản phẩm và tung ra các sản phẩm mới cũng như tổ chức lại bộ phận marketing với việc chú trọng vào việc tuyển dụng các nhân sự nhiều kinh nghiệm.

Một số sản phẩm mới tiêu biểu trong năm 2017 của F.I.T Consumer có thể kể đến:

- Nước giặt Trung tính và nước xả Tero
- Nước rửa tay Dr. Clean 200g với hai mùi hương mới Hoa Diên Vĩ (Ocean Iris) và Sữa Dừa (Coco Milk)
- Sữa tắm Nuwhite Yogurt
- Café iMen Ban Mê đóng chai
- Trà chanh vitamin – iTeen Pokemon
- Kem đánh răng Dr Kool Herbal
- Kem đánh răng dành cho trẻ em Dr Kool Junior
- Kem đánh răng Dr Kool 5 tác động

Hàng tiêu dùng nhanh là một trong những mảng kinh doanh trọng tâm của Tập Đoàn trong tương lai, hàng tiêu dùng và nước giải khát đã có sự tăng trưởng nhẹ về doanh thu, từ 351 tỷ năm 2016 lên 383 tỷ năm 2017. Do đang trong giai đoạn phát triển thị trường và xây dựng kênh phân phối, mảng kinh doanh này chưa tạo ra lợi nhuận. Khoản lỗ trước thuế năm 2017 là 18.5 tỷ, tương đương với 18 tỷ năm 2016. Theo dự kiến của Tập Đoàn, việc đầu tư vào phát triển thị trường và mạng lưới phân phối sẽ bắt đầu phát huy tích cực từ năm 2018, đưa mảng này trở thành mảng kinh doanh có lãi.



Hàng tiêu dùng nhanh (FC) Đơn vị tính: tỷ VND	2017	2016
Doanh thu thuần	382,6	351,3
Lợi nhuận Hoạt động	(19,7)	(18,9)
Kết quả hoạt động tài chính	0,7	0,9
Lợi nhuận trước thuế	(18,5)	(18,0)
Dòng tiền tự do	(4,7)	20,6
Dòng tiền hoạt động	(3,6)	22,4



LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ,
NÔNG TÍN, TSS

Mảng kinh doanh góp phần lớn vào sự sụt giảm doanh thu của Tập Đoàn là mảng Nông nghiệp. Đây là mảng kinh doanh mà Tập Đoàn xác định không phải thế mạnh và sẽ tiếp tục quá trình thu hẹp hoạt động. Bởi vậy, không có gì lạ khi doanh thu đã giảm từ 1,087 tỷ năm 2016 xuống còn 170 tỷ năm 2017 và ghi nhận lỗ hoạt động.

Nông nghiệp (CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp, Nông Tín, TSS) Đơn vị tính: tỷ VND	2017	2016
Doanh thu	170	1,036
Lợi nhuận Hoạt động	(17)	-2,4
Kết quả hoạt động tài chính	(9)	-0,2
Lợi nhuận trước thuế	(29)	6
Dòng tiền tự do	(109)	153
Dòng tiền hoạt động	(48)	153

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ

F.I.T cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực tư vấn, hợp tác đầu tư và đầu tư.

DỊCH VỤ TƯ VẤN

Với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm và được đào tạo chuyên nghiệp bài bản, chúng tôi đã cung cấp cho khách hàng của mình những tư vấn hợp lý và giá trị trong các lĩnh vực huy động và thu xếp vốn cho các dự án, phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Repo cổ phiếu, tư vấn các dự án M&A, tư vấn phát triển thương hiệu doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Nhằm gia tăng được lợi ích cho cả đối tác và F.I.T, chúng tôi đã nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm hợp tác đầu tư như Repo cổ phiếu hoặc trái phiếu, Repo bất động sản.

ĐẦU TƯ

Chúng tôi tiếp tục thực hiện giải ngân vào các sản phẩm đầu tư tài chính, các dự án bất động sản cũng như công ty con và công ty liên kết. Bắt đầu từ 2014. F.I.T tiến hành mua các công ty và nhà máy nhờ vậy có sự dịch chuyển cơ cấu từ công ty đầu tư thuần túy sang một công ty có sản xuất hoạt động kinh doanh.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

F.I.T đang trong giai đoạn chuyển mình từ một công ty đầu tư và tư vấn tài chính thuần túy sang một Tập Đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để phát triển bền vững thì F.I.T luôn xây dựng một hệ thống quản trị chặt chẽ không chỉ từ Công ty mẹ mà xuyên suốt cho đến Công ty con để có được sự nhất quán tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Mục tiêu chính của Tập Đoàn là hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành hàng có quy mô lớn tạo ra các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu của tầng lớp trung lưu tại Việt Nam như Dược phẩm, Thực phẩm và Ngành hàng tiêu dùng nhanh. F.I.T nghiên cứu đầu tư vào các Công ty tiềm năng thuộc các ngành hàng phát triển như nói ở trên và sẽ hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiều về công tác quản trị điều hành, đầu tư vào sản phẩm khác biệt, thương hiệu mạnh, mở rộng hệ thống bán hàng, kênh phân phối để gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và dần từng bước đưa các Công ty này dần đầu trong các ngành hàng tham gia.

Bên cạnh đó Bất động sản cũng là một lĩnh vực F.I.T sẽ quan tâm để đầu tư vì đây là lĩnh vực có quy mô, tiềm năng tăng trưởng cao và đem lại mức lợi nhuận lớn. Tuy nhiên F.I.T sẽ đầu tư một cách thận trọng kết hợp với việc nghiên cứu kỹ lưỡng và quản trị chặt chẽ để đem lại hiệu quả cao nhất cho nguồn vốn đầu tư.

Ngoài ra, F.I.T vẫn tiếp tục duy trì một danh mục đầu tư ngắn hạn để nắm bắt các cơ hội trên thị trường và tạo ra mức sinh lời cao.

Trong thời gian tới, Tập Đoàn sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như thu tóm các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.



03

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG TẠI ĐỊA
PHƯƠNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 17/10/2017

CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T TRONG NĂM 2017

CẤU TRÚC CỦA CÁC CÔNG TY TRONG TẬP ĐOÀN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

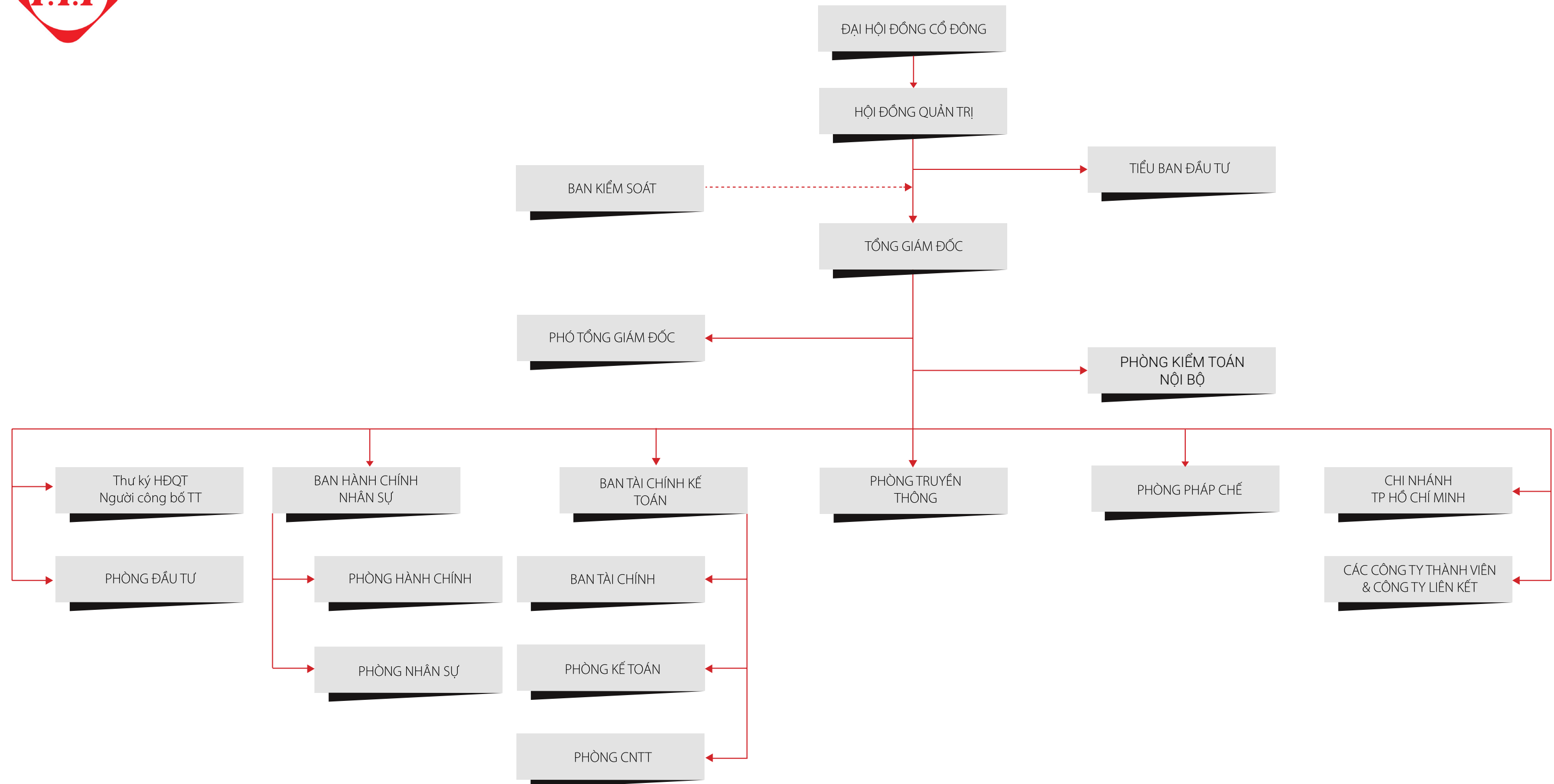
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS,
BAN TGD

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI
CÓ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY NIÊM YẾT

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **Nguyễn Văn Sang**

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Sang sinh năm 1975, là Chủ tịch Tập Đoàn và cũng là cổ đông sáng lập của F.I.T. ông có gần 10 năm làm việc trong ngành thương mại tại các Tập Đoàn Đa quốc gia lớn như Procter&Gamble Việt Nam (P&G Việt Nam), Shell Gas Haiphong Ltd và 13 năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính. Cùng sự giúp sức của các Thành viên Ban quản trị khác, với nền tảng kinh nghiệm sâu rộng trong kinh doanh, thương mại, quản trị và tài chính, ông Sang đã đóng vai trò như linh hồn của cả Tập Đoàn, xây dựng chiến lược giúp F.I.T trở thành một Tập Đoàn đa ngành nghề đứng đầu Việt Nam. Ông Sang tốt nghiệp Đại học và lấy bằng Thạc sỹ Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.



Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt sinh năm 1970, là thành viên sáng lập, đồng thời đảm nhiệm cương vị Tổng giám đốc của F.I.T. Trên cương vị này, bà đã vận hành và quản lý hoạt động của toàn Tập Đoàn thông suốt, theo sát định hướng và chiến lược do HĐQT đề ra.

Với kiến thức của một chuyên gia trong ngành Tài chính, Kế toán và Quản trị Hành chính Nhân sự, bà Nguyệt đã đóng góp rất to lớn cho hoạt động và sự phát triển của Tập Đoàn từ những ngày đầu tiên.

Trước khi tham gia F.I.T. Bà Nguyệt đã có 17 năm làm việc trong ngành tài chính, quản trị, nhân sự tại Mekong Automobile Corporation và Shell Gas Haiphong Ltd.

Bà Nguyệt tốt nghiệp trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội lấy bằng MBA cũng tại đây.



Ông **Phan Minh Sáng**

Thành viên HĐQT

Ông Phan Minh Sáng sinh năm 1975, có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính, kinh doanh và quản trị tại các công ty trong và ngoài nước như Công ty Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy GMN, Công ty Nước giải khát Delta, Công ty Xổ số điện toán Việt Nam, Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Geleximco). Tham gia vào F.I.T từ năm 2014 với cương vị Thành viên HĐQT, ông Sáng đã đóng góp, tham gia vào các quyết sách định hướng chiến lược phát triển của F.I.T. Ông Sáng tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính và lấy bằng Thạc sỹ tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Ông **Phạm Công Sinh**

Thành viên HĐQT

Ông Phạm Công Sinh sinh năm 1974, ông có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị và tiếp thị thương mại trong các công ty sản thương mại cũng như sản xuất, tại Tập Đoàn Hóa mỹ phẩm hàng đầu thế giới Procter&Gamble (P&G). Năm 2007, ông sáng lập ra Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất - Dịch vụ Sao Nam và phát triển hàng loạt nhãn hiệu trong nhóm sản phẩm ngành tiêu dùng nhanh, bao gồm nước rửa tay DrClean, sữa tắm NuWhite, kem đánh răng DrKool, khăn ướt Rosy, chai diệt côn trùng Rocket.

Ông đóng vai trò xây dựng nhãn hiệu và kênh phân phối của các ngành hàng tiêu dùng thông qua F.I.T Consumer- một thành viên thuộc Tập Đoàn F.I.T, chuyên về phân phối các sản phẩm tiêu dùng nhanh. Ông hiện đang giữ vị trí Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda).

Ông Sinh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1996 và lấy bằng MBA tại đại học North Central University (Hoa Kỳ).

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



Bà **Trương Thị Thu Hạnh**

Thành viên HĐQT

Bà Trương Thị Thu Hạnh, sinh năm 1975, tính đến nay bà đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính, bà Hạnh giữ nhiều vị trí quan trọng tại các định chế Tài Chính lớn như Chuyên viên Cao cấp- Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Giám đốc Tư vấn tại Công ty chứng khoán Ngân Hàng Á Châu và CTCP Chứng Khoán Dầu Khí. Hiện tại Bà Hạnh đang giữ vai trò Giám đốc điều hành Công ty TNHH Tư vấn AWR Lloyd (Hong Kong).

Tham gia vào HĐQT F.I.T từ cuối năm 2017 với cương vị Thành viên HĐQT, Bà Hạnh hứa hẹn đóng góp những kinh nghiệm thực tế của mình vào chiến lược hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn. Bà Hạnh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và có bằng Thạc Sĩ Kinh tế.



Bà **Bùi Thanh Hương**

Thành viên HĐQT

Bà Bùi Thanh Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các doanh nghiệp lớn của Việt Nam như: Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam. Công ty TNHH TM Thăng Long Hà Nội.

Là thành viên độc lập trong HĐQT F.I.T, bà Hương cùng các thành viên khác đã đóng góp những ý kiến có giá trị vào chiến lược phát triển của Công ty.

Bà Hương tốt nghiệp Đại học Thương mại Hà Nội.



Ông **Hứa Xuân Sinh**

Thành viên HĐQT

Ông Hứa Xuân Sinh sinh năm 1970, xuất phát từ một kỹ sư cơ khí chế tạo máy tại Công ty liên doanh ô tô Mekong, từ năm 2010, ông thành lập công ty Thương mại.

Ông là người sáng lập ra Công ty cổ phần Thực phẩm Đức Việt, một trong những thương hiệu rất quen thuộc với người tiêu dùng trong nước - Xúc xích Đức Việt.

Tham gia F.I.T với cương vị thành viên HĐQT, ông Sinh sẽ có nhiều đóng góp tích cực và thực tế vào hoạt động kinh doanh đặc biệt là đối với ngành thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Ông Sinh tốt nghiệp Khoa cơ khí, Đại Học Bách Khoa Hà Nội.



Ông **Lê Xuân Vũ**

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Xuân Vũ, sinh năm 1973, là một chuyên gia trong ngành Tài Chính, ông có kinh nghiệm công tác tại nhiều Tập Đoàn đa quốc gia và công ty lớn như Coca-Cola Ngọc Hồi, Ford Việt Nam, Shell Gas Hải Phòng, Carlsberg Indochina, Vinmec Hospital... Ông tham gia vào F.I.T vào đầu năm 2017.

Ông Vũ tốt nghiệp Cử nhân kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân, được cấp bằng Thạc sĩ Kinh doanh chuyên ngành kế toán chuyên nghiệp của Đại học công nghệ Victoria tại Australia.

Với vốn kiến thức sâu rộng trong hoạt động tài chính doanh nghiệp, ông Vũ đã có nhiều đóng góp đáng kể cho Tập Đoàn, đặc biệt là trong mảng vận hành. Những đóng góp của ông đã giúp chuẩn hóa quy trình làm việc, nâng cao mức độ chuyên nghiệp và tính đồng bộ của các công ty trong Tập Đoàn.

THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Ninh Việt Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	0 cổ phần
2	Ông Lưu Đức Quang	Thành viên BKS	0 cổ phần
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	0 cổ phần

CƠ CẤU TIỂU BAN ĐẦU TƯ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban Tiểu đầu tư	0 cổ phần
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên Ban đầu tư	100.000 cổ phần

Các chức vụ kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT và Ban Điều Hành F.I.T trong HĐQT của Tổ chức khác.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	Chủ tịch Chủ tịch Chủ tịch Chủ tịch	CTCP Dược phẩm Cửu Long CTCP Dược phẩm Euvipharm CTCP F.I.T Cosmetics CTCP Today Cosmetics	Bổ nhiệm ngày 2/12/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ CTCP Dược phẩm Cửu Long CTCP Hạt giống TSC CTCP Westfood Hậu Giang CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây CTCP F.I.T Consumer	
Ông Phan Minh Sáng	TV HĐQT	0	Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ CTCP Nước khoáng Khánh Hòa CTCP Hạt giống TSC CTCP Westfood Hậu Giang CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	
Ông Phạm Công Sinh	TV HĐQT	0	Thành viên Thành viên Thành viên Chủ tịch	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ CTCP Nước khoáng Khánh Hoà CTCP F.I.T Consumer CTCP F.I.T Cosmetics	
Bà Bùi Thanh Hương	TV HĐQT	0	Thành viên	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Thành viên HĐQT độc lập

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Một trong những giá trị cốt lõi của F.I.T là “Tôn trọng con người và đánh giá cao con người phù hợp”. Tại F.I.T, con người luôn được xem là tài sản quý giá nhất và cần đầu tư nhiều nhất. Do vậy, môi trường làm việc và các phúc lợi của người lao động luôn là tiêu chí được ban giám đốc quan tâm hàng đầu. Trong năm 2017, một số hạng mục cơ sở hạ tầng đã được triển khai thực hiện nhằm nâng cao điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên như phòng tập thể thao, các lớp yoga và zumba, hỗ trợ cơm trưa tại căn tin nội bộ. Thực hiện mua gói Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Bộ phận Nhân sự kết hợp cùng các phòng ban để thực hiện đánh giá khung năng lực cho từng thành viên trong công ty định kỳ hàng năm nhằm định hướng đào tạo và phát triển cá nhân, xây dựng đội ngũ kế thừa, vừa hướng đến bồi dưỡng năng lực cho từng nhân sự, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Về đào tạo và phát triển kỹ năng, công ty tổ chức khóa đào tạo về văn hóa doanh nghiệp cho cán bộ công nhân viên, giúp cán bộ công nhân viên nhanh chóng nắm bắt các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp và hòa nhập với môi trường làm việc. Ngoài ra công ty còn tổ chức các khóa học chuyên biệt cho từng kỹ năng như “Kỹ năng bán hàng”, “Mindfulness Transformation at work” cho cán bộ nhân viên của Tập Đoàn và các cấp quản lý của Công ty thành viên.

Số lượng lao động của F.I.T mẹ vào thời điểm 31/12/2017 là 42 người. Với mức lương trung bình là 20.661.393/người/tháng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Trên nhiều vùng miền khắp cả nước, cùng với các công ty thành viên, F.I.T đã tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội theo đúng như chiến lược đã đặt ra cho năm 2017 là xây dựng F.I.T và các công ty thành viên trở thành những doanh nghiệp phát triển bền vững, phụng sự vì cộng đồng.

Các hoạt động xã hội thể hiện trách nhiệm cộng đồng của F.I.T và các công ty con trong năm 2017 rất đa dạng và có quy mô lớn hơn so với các năm trước. Cụ thể như:

- 3.000 suất cơm chay: Phát tặng tại bệnh viện K, viện bỏng và viện châm cứu;
- 3.000 hộ gia đình nghèo: Được hỗ trợ khám chữa bệnh và tặng quà;
- 10.000 thùng nước Vikoda: Được tài trợ tại các giải golf lớn;
- 13.000 suất quà : Được tài trợ nhân dịp Trung thu;
- 100 triệu đồng: Rocket tài trợ cho bệnh viện nhiệt đới, đẩy lùi bệnh sốt xuất huyết;
- Và các hoạt động hướng nghiệp, tọa đàm cho Sinh viên.

Hướng tới năm 2018, Tập Đoàn F.I.T sẽ tiếp tục tham gia và thực hiện nhiều hơn nữa các hoạt động xã hội có quy mô hơn, với mong muốn chung tay cho việc xây dựng xã hội ngày càng phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống của người Việt.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 17/10/2017

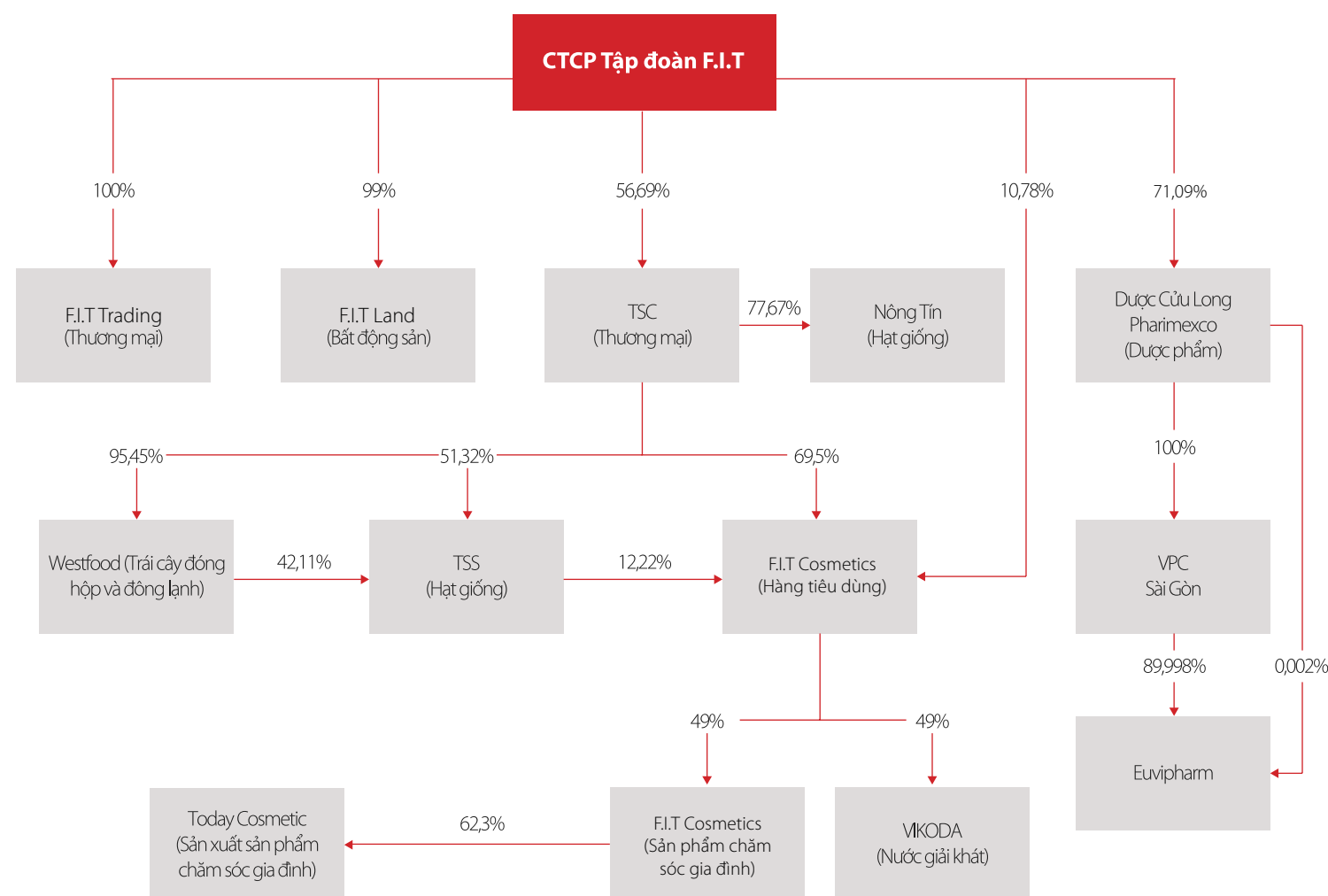
STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu %
I	Cổ đông trong nước	6.459	253.031.431	2.530.314.310.000	99.33
1	Cổ đông tổ chức	39	124.331.541	1.243.315.410.000	48.8
2	Cổ đông cá nhân	6.420	128.699.890	1.286.998.900.000	50.53
II	Cổ đông nước ngoài	51	1.698.816	16.988.160.000	0.67
1	Cổ đông tổ chức	11	1.391.727	13.917.270.000	0.55
2	Cổ đông cá nhân	40	307.089	3.070.890.000	0.12
Tổng cộng			254.730.247	2.547.302.470.000	100%

Trong năm 2017, F.I.T không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T không thực hiện tăng vốn điều lệ. Hiện tại, vốn điều lệ của Tập Đoàn F.I.T là 2.547 tỷ đồng.

CẤU TRÚC CỦA CÁC CÔNG TY TRONG TẬP ĐOÀN



Thông tin của các công ty con do F.I.T sở hữu.

i. Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Địa chỉ: Số 150. đường 14/9. Phường 5. TP. Vĩnh Long. Tỉnh Vĩnh Long.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp: dược phẩm, capsule, các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu, hóa chất, nguyên liệu và các loại sản phẩm bao bì dùng trong ngành dược.

Vốn điều lệ: 568.328.240.000 đồng.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500202535 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 09/11/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 15/11/2017.

Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 71,09% (tại thời điểm 31/12/2017).

Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 404.026.160.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2017).

ii. Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ

Địa chỉ: Số 1D Phạm Ngũ Lão. Phường Thới Bình. Quận Ninh Kiều. Thành phố Cần Thơ.

Ngành nghề kinh doanh: Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại; thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản; nhập khẩu, kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp.

Vốn điều lệ: 1.476.480.840.000 đồng.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 56,69% (tại thời điểm 01/6/2016).

Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 837.005.230.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2017).

iii. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại F.I.T Việt Nam

Địa chỉ: số 35 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu và phân phối nông, lâm sản, thực phẩm, nước giải khát, kinh doanh thương mại.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106567335 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2014 và thay đổi lần thứ 2 ngày 08/10/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 100% (tại thời điểm 31/01/2017).

Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/03/2017).

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản FIT

Địa chỉ: số 35 Lê Văn Lương. Phường Nhân Chính. Quận Thanh Xuân. Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; kinh doanh khác liên quan đến bất động sản....

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107499328 do Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/07/2016.

Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 99% (tại thời điểm 08/12/2017).

Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 99.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/01/2017).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tháng 11 năm 2017, ĐHĐCĐ đã thông qua việc bổ nhiệm vị trí thành viên HĐQT của ông Hứa Xuân Sinh và bà Tưởng Thị Thu Hạnh. Các thành viên HĐQT đã sâu sát trong việc giám sát và điều hành hoạt động của F.I.T nói chung và Ban điều hành nói riêng.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT là 268.000.000 đồng/năm, theo đó mức chi trả cho Chủ tịch là 5.000.000 đồng/tháng và các thành viên là 4.000.000 đồng/người/tháng (Giữa tháng 11/2017: ĐHĐCĐ công ty đã thông qua việc bổ nhiệm thêm 02 thành viên là ông Hứa Xuân Sinh và bà Tưởng Thị Thu Hạnh nên thù lao của hội đồng quản trị chi trả thực tế cao hơn mức đã được phê duyệt là 252.000.000/năm)

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2017, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động quản lý nguồn vốn, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

Trong năm 2017, các thành viên trong HĐQT Công ty đã phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. HĐQT đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương quyết định và hỗ trợ Ban Điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong mối quan hệ với Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng cùng Ban điều hành để nắm bắt tình hình kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất nếu nhận thấy có vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để định hướng hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với mô hình hoạt động mới và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty mẹ và các công ty con để hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài việc kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các phòng ban, HĐQT cũng đã ổn định lại cơ cấu nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Công ty.

Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016

Về tăng vốn điều lệ:

Về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên đã được thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2017, HĐQT chưa triển khai trên thực tế. Việc chào bán cổ phiếu sẽ tiếp tục được gia hạn cho đến khi hoàn thành. Thời điểm phát hành phụ thuộc vào sự thuận lợi của thị trường và nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Về việc ban hành Điều lệ mới:

Trong năm 2017, theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, để đáp ứng quy định của pháp luật, HĐQT đã ban hành Điều lệ Công ty mới thay thế cho Điều lệ hiện hành trên cơ sở Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

Về việc thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty:

Trong năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

Về việc thông qua các giao dịch với các bên có liên quan:

Trong năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và ủy quyền cho HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu hoặc chi phí với những bên có liên quan

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Kế hoạch năm 2016	Kết hoạch 2017 (kiểm toán)	% hoàn thành kế hoạch	% thực hiện so với năm 2015
Doanh thu	Tỷ VNĐ	2.489	2.554	1.668	65%	67%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	196	204	164	80%	84%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	112	119	106	89%	95%
Tỷ suất sau thuế/doanh thu	%	4,5%	4,7%	6,4%	136%	141%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016

Trong năm 2017, với chủ trương củng cố các mảng hoạt động kinh doanh Hội đồng quản trị F.I.T đã phối hợp chỉ đạo chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc công ty mẹ và các công ty thành viên nhằm thực hiện chiến lược đẩy mạnh toàn bộ các mảng kinh doanh và đạt được các thành tựu đáng ghi nhận.

Tại các mảng hoạt động chính, kết quả kinh doanh phản ánh và bám sát chiến lược chung của cả Tập đoàn.

Cụ thể, trong lĩnh vực dược phẩm, doanh thu đã tăng trưởng từ 738 tỷ năm 2016 lên 765 tỷ năm 2017. Sự tăng trưởng doanh thu phản ánh nỗ lực tập trung cho hoạt động thể mạnh của tập đoàn. Dù vậy, sự tăng trưởng doanh thu này vẫn chưa phản ánh hết tiềm năng tương lai do ảnh hưởng bởi các hoạt động đầu tư cơ bản, bao gồm việc mua nhà máy Euvipharm và xây dựng nhà máy Capsule III. Việc mua nhà máy Euvipharm cũng đã dẫn tới việc phải hợp nhất lỗ trong mảng dược phẩm do trong quá trình chuyển giao nhà máy hoạt động dưới rất nhiều so với công suất thiết kế. Kết quả là lợi nhuận trước thuế mảng dược phẩm giảm từ 113 tỷ năm 2016 xuống 98 tỷ năm 2017. Kết quả này không phản ánh trung thực tiềm năng hoạt động của mảng dược phẩm vì những lý do nêu trên. Trong năm 2017, DCL đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ như: thầu tóm thành công Công ty Dược phẩm Euvipharm, một trong những công ty dược phẩm có nhà máy hiện đại bậc nhất; xây mới nhà máy Capsule III trở thành nhà cung cấp viên nang rỗng chiếm thị phần lớn nhất (40%) tại Việt Nam; thành lập Công ty cổ phần thuốc ung thư Benovas liên kết với SCIC để trở thành nhà sản xuất ung thư đầu tiên tại Việt Nam; đầu tư hệ thống máy móc hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; Bên cạnh đó việc ký kết hợp đồng hợp tác với Công ty Quản lý tài sản Rhinos Asset Management (RAM) của Hàn quốc không chỉ giúp DCL đạt được lợi ích lớn ở góc độ tài chính, việc tham gia của Rhinos – với kinh nghiệm đầu tư vào hàng loạt doanh nghiệp lớn ở khắp các quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, Mỹ... còn được kỳ vọng sẽ tạo sức bật cho DCL trong cả yếu tố quản trị chuyên nghiệp lẫn cơ hội hợp tác với các đối tác lớn khác trên thế giới.

Trong lĩnh vực thực phẩm, kết quả của quá trình tái cơ cấu chiến lược kinh doanh được phản ánh rất rõ qua các con số. Sự sụt giảm doanh thu từ 296 tỷ năm 2016 xuống 274 tỷ năm 2017, chủ yếu do tái cơ cấu sản phẩm, đã không dẫn tới sự sụt giảm lợi nhuận mà ngược lại, lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận trước thuế đều tăng ấn tượng. Lợi nhuận hoạt động tăng từ 7 tỷ lên 20 tỷ và lợi nhuận trước thuế tăng từ 11 tỷ lên 21 tỷ. Như vậy, sự tích cực của chiến lược tái cơ cấu sản phẩm cũng như sự hiệu quả trong quản lý kinh doanh đã và đang được thể hiện qua các con số trong mảng này.

Một mảng hoạt động khác được xác định sẽ là trọng tâm của Tập đoàn trong tương lai nhưng đang trong quá trình phát triển thị trường là hàng tiêu dùng và nước giải khát đã có sự tăng trưởng nhẹ về doanh thu, từ 351 tỷ năm 2016 lên 383 tỷ năm 2017. Do đang trong giai đoạn phát triển thị trường và xây dựng kênh phân phối, mảng kinh doanh này chưa tạo ra lợi nhuận. Khoản lỗ trước thuế năm 2017 là 18.5 tỷ, tương đương với 18 tỷ năm 2016. Theo dự kiến của tập đoàn, việc đầu tư vào phát triển thị trường và mạng lưới phân phối sẽ bắt đầu phát huy tích cực từ năm 2018, đưa mảng này trở thành mảng kinh doanh có lãi.

Và cuối cùng, mảng kinh doanh đóng góp lớn vào sự sụt giảm doanh thu của Tập đoàn là Nông nghiệp. Đây là mảng kinh doanh mà Tập đoàn xác định không phải thế mạnh và sẽ tiếp tục quá trình thu hẹp hoạt động. Bởi vậy, không có gì lạ khi doanh thu đã giảm từ 1,087 tỷ năm 2016 xuống còn 170 tỷ năm 2017 và ghi nhận lỗ hoạt động.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Doanh thu thuần từ HĐKD	Tỷ VNĐ	2.037
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	169
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ VNĐ	127
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	Tỷ VNĐ	102
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh	%	8,28%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	6,23%
Cổ tức dự kiến	%	

Lý do không chia cổ tức: Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh nên ưu tiên mọi nguồn lực cho hoạt động này.

CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của F.I.T đã thông qua chủ trương đầu tư chiến lược vào các ngành hàng cơ bản. Với chiến lược này, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu đến năm 2020, đưa F.I.T trở thành công ty quy mô tỷ USD doanh thu tại các ngành hàng này. Đây là mục tiêu rất thách thức, nhưng nếu F.I.T không thực hiện, thì chúng ta có thể sẽ bị bỏ lỡ cơ hội phát triển và chiếm giữ vị thế ngành.

Để thực hiện chiến lược nói trên, trong các năm qua, F.I.T đã đẩy mạnh hoạt động M&A nhằm nhanh chóng tạo được vị thế kinh doanh tại các ngành hàng theo đuổi thông qua việc sở hữu những doanh nghiệp có lợi thế đặc biệt ở mỗi ngành hàng. Hai bước tiếp theo trong việc hiện thực hóa mục tiêu này là tái cấu trúc các doanh nghiệp đã có và xây dựng chiến lược, mục tiêu kinh doanh cụ thể cho mỗi doanh nghiệp, bên cạnh việc tiếp tục tìm kiếm các cơ hội M&A doanh nghiệp với chi phí hợp lý để rút ngắn quá trình mở rộng kinh doanh.

CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hiện tại, việc tái cấu trúc các công ty thành viên đã tương đối hoàn thành, bao gồm xây dựng đội ngũ nhân sự, cơ chế quản lý, kinh doanh, định hướng ngành hàng, cơ sở vật chất kinh doanh.

Với chiến lược này, HĐQT xây dựng chiến lược và định hướng hoạt động kinh doanh cho năm 2018 và các năm tiếp theo như sau:

- Tiếp tục triển khai các mục tiêu trong chiến lược phát triển F.I.T giai đoạn 2015 – 2020, đưa F.I.T trở thành một tập đoàn đầu tư hùng mạnh, sở hữu các công ty con, công ty liên kết có khả năng tăng trưởng cao thuộc các ngành hàng phát triển;
- Tùy theo nhu cầu sử dụng vốn và cân nhắc yếu tố thị trường, tiếp tục thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên như phương án tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2017 đã thông qua.
- Giữ vững, phát huy thế mạnh trong hoạt động đầu tư, tài chính truyền thống gồm: Dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu...;
- Bám sát chiến lược Đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua: Giảm tỉ lệ đầu tư ngắn hạn và tăng tỉ lệ đầu tư dài hạn vào công ty con, công ty liên kết trong các lĩnh vực phù hợp, với nòng cốt trong thời gian tới là các ngành dược phẩm, hàng tiêu dùng và nông nghiệp để tạo nền tảng bền vững cho F.I.T. Bên cạnh đó khởi động kế hoạch phát triển ngành bất động sản và kế hoạch xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ;
- Đối với lĩnh vực nông nghiệp-thực phẩm, đồ uống: Công ty tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu Công ty CP Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo hướng giảm hoặc ngừng hoạt động những hoạt động kém hiệu quả, đầu tư mở rộng mảng thực phẩm, các lĩnh vực có tiềm năng lớn như: thực phẩm, đồ uống, hóa mỹ phẩm...
- Trong ngành Dược phẩm: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh hiện hữu, tái cấu trúc thành công Euviphar và theo sát đầu tư dự án Nhà máy thuốc Ung thư, Capsule
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội M&A để mở rộng kinh doanh.
- Các hoạt động quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng, trong đó, tập trung vào quản trị rủi ro tài chính của F.I.T, rủi ro tín dụng trong các dịch vụ tài chính, rủi ro hoạt động của công ty con, công ty liên kết;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực và chính sách nhân sự. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và văn hóa doanh nghiệp

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Bức tranh kinh tế vĩ mô

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế trong năm 2017 đạt 6,81%, mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Kinh tế năm 2017 tăng trưởng nhờ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản có mức tăng cao nhất với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016,. Ngành lâm nghiệp tăng 5,14%, ngành nông nghiệp tăng 2,07% (năm 2016 tăng 0,72%), cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,85%, cao hơn mức tăng 7,06% của năm 2016, Điểm sáng của khu vực này là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 14,40% (là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây). Trong khi đó, ngành khai khoáng giảm 7,10%, đây là mức giảm sâu nhất từ năm 2011 trở lại đây, chủ yếu do sản lượng dầu thô khai thác giảm hơn 1,6 triệu tấn so với năm trước; sản lượng khai thác than cũng chỉ đạt 38 triệu tấn, giảm hơn 180 nghìn tấn.

Còn trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ đạt mức tăng 8,36% so với năm trước, là ngành có đóng góp cao nhất vào mức tăng trưởng chung, dịch vụ lưu trú và ăn uống có mức tăng trưởng khá cao 8,98% so với mức tăng 6,70% của năm 2016; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,14% (mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây); hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,07% (mức tăng cao nhất kể từ năm 2011).

Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm tạo ra sự tăng trưởng vững chắc cho Tập đoàn trong dài hạn. Điểm nhấn hoạt động của F.I.T là tập trung đầu tư các ngành hàng, làm tăng giá trị các công ty thành viên.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017 không phải là một năm tài chính ấn tượng nếu chỉ nhìn vào các con số tuyệt đối. Giá trị các tiêu chí trên báo cáo kết quả doanh đều sụt giảm so với năm 2016. Doanh thu sụt giảm mạnh nhất, chỉ bằng 67% so với năm 2016, trong khi các chỉ tiêu khác đạt từ 80% đến 95% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, đáng chú ý là dòng tiền hoạt động lại tăng mạnh, từ âm 90 tỷ năm 2016 lên 97 tỷ năm 2017.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Sự sụt giảm doanh thu bắt nguồn từ việc Tập đoàn chủ động thu hẹp hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (TSC). Tập đoàn, thông qua TSC mẹ, đã tiến hành thoái vốn tại Nông dược Cần Thơ (TSP) từ cuối năm 2016 và dừng các hoạt động thương mại của Nông Tín trong cả năm 2017. Các hoạt động thương mại và giao dịch của TSC mẹ cũng được thu hẹp. Sự sụt giảm doanh thu của nhóm TSC đã dẫn tới sự sụt giảm mạnh doanh thu của cả Tập đoàn. Tuy vậy, sự sụt giảm doanh thu này là cần thiết vì những giá trị cổ đông trong tương lai. Tập đoàn nhận thấy không có thể mạnh trong các mảng kinh doanh của TSC trong khi dự báo mức độ cạnh tranh thị trường sẽ rất khó khăn, dẫn tới tiềm năng không hiệu quả trong tương lai. Bên cạnh sự sụt giảm doanh thu do thu hẹp các mảng kinh doanh không có thể mạnh, sự tập trung nguồn lực và các thể mạnh bao gồm Dược phẩm và Thực phẩm cũng đã kéo theo việc mua và đầu tư nhà máy mới góp phần làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Sự sụt giảm doanh thu đương nhiên dẫn tới sự sụt giảm các tiêu chí lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận hoạt động giảm từ 38 tỷ xuống 36 tỷ, hay lợi nhuận sau thuế đã giảm từ 144 tỷ xuống 113 tỷ so với năm 2016. Tuy nhiên, những sự sụt giảm này không đáng lo ngại do chúng ta đã hiểu rõ vì sao doanh thu sụt giảm. Thay vào đó, chúng ta tự hào vì tất cả các chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện. Điều này hàm ý rằng khi doanh thu trở lại tốc độ tăng trưởng thông thường sau khi các hoạt động tái cơ cấu kinh doanh và đầu tư cơ bản hoàn tất, chúng ta có thể tin rằng các tiêu chí lợi nhuận sẽ tốt hơn nhiều so với thông thường do hiệu quả hoạt động được cải thiện. Thêm vào đó, việc dòng tiền hoạt động tăng trưởng mạnh và chuyển từ âm sang dương năm 2017, trong một chừng mực nhất định, cho thấy Tập đoàn đang hoạt động dựa trên sự an toàn hơn về mặt tài chính. Nói cách khác, Tập đoàn đang tạo ra giá trị cổ đông nhờ sự hiệu quả hơn trong hoạt động.

Niềm tin vào giá trị cổ đông trong tương lai càng được củng cố hơn khi nhìn vào vị thế tài chính của Tập đoàn. Giá trị sổ sách của cổ phiếu có sự giảm nhẹ năm 2017 là do Tập đoàn phát hành cổ phiếu tăng vốn trong kỳ. Đáng chú ý, giá cổ phiếu so với cùng thời điểm cuối năm 2016 đã tăng trưởng gần 100% trong bối cảnh Tập đoàn tái cơ cấu là một dấu hiệu tốt về việc thị trường nhìn nhận tích cực đối với giá trị tiềm năng của Tập đoàn. Mặc dù khoảng cách với giá trị sổ sách còn khá lớn, Tập đoàn đang và sẽ nỗ lực để giá cổ phiếu song hành với giá sổ sách và giá trị của Tập đoàn trong tương lai.

Về kết quả kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu đạt 1.668 tỷ đồng,
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 164 tỷ đồng đạt 84% so với kế hoạch.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Kết quả 2017 (kiểm toán)	% thực hiện so với năm 2016
Doanh thu	Tỷ VNĐ	2.489	1.668	67%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	196	164	84%
Tổng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ VNĐ	112	106	95%
Tỷ suất sau thuế/doanh thu	%	4,5%	6,4%	141%

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

Với tham vọng trở thành doanh nghiệp tỷ đô trong các ngành hàng cơ bản, năm 2018 được coi là năm tiếp tục đẩy mạnh đầu tư của F.I.T tại các mảng kinh doanh, bên cạnh việc tiếp tục tận dụng các cơ hội đầu tư tài chính để phát huy thế mạnh của Công ty, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

Theo đó:

Ngành Nông nghiệp - Thực phẩm: Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu nhằm tăng tính chủ động và cải thiện biên lợi nhuận kinh doanh. Tăng năng lực sản xuất, mở rộng đầu tư để đảm bảo đáp ứng yêu cầu khách hàng, duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định, giảm thiểu các rủi ro tác động từ nguồn cung nguyên liệu bên ngoài.

Với ngành Dược phẩm: Tiếp tục theo sát các hoạt động đầu tư và tái cấu trúc công ty thành viên, để đảm bảo việc đầu tư dự án diễn ra đúng tiến độ, tiết kiệm và hiệu quả; Tái cấu trúc là một quá trình và cần có thêm thời gian để biến thành kết quả. Phải mất 3 năm kể từ sau M&A thành công để F.I.T hoàn thành cơ bản mục tiêu nâng DCL lên một tầm cao mới mà không chỉ dừng lại ở những con số tăng trưởng lợi nhuận. Và trong thời gian tới đây, có trái ngọt từ quá trình tái cấu trúc từ các hoạt động khác sẽ dần đến.

Về lĩnh vực ngành hàng FMCG: Tiếp nối chiến lược đã thực hiện từ năm 2017, năm 2018, Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng doanh thu. Mục tiêu của F.I.T là đưa F.I.T Consumer lên hàng ngũ những doanh nghiệp mạnh nhất trong ngành hàng FMCG



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được các cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung 5 quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.

BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.

Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGĐ được thực hiện hiệu quả, BKS đã được HĐQT và BGĐ tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của BKS.

Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:

- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT. Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành. thực hiện các nhiệm vụ. mục tiêu kinh doanh của công ty.
- Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty.
- Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty.
- Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty.
- Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2017 và các mục tiêu hoạt động khác của công ty.



KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT:

Giám sát công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể:

- Đối với công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh
 - + Ban Kiểm Soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Điều Hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông 2017 thông qua.
 - + Trên cơ sở đó, Ban Kiểm Soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều Hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động SXKD cũng như phù hợp và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
 - + Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như đưa ra các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.
 - + Ban Điều Hành đã bám sát các quyết sách này để triển khai các công việc cụ thể, HĐQT và Ban Điều Hành cùng với sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ nhân viên của Công ty đã vượt qua khó khăn.
 - + Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban điều hành.
- Đối với công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:
 - + Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
 - + Công tác kế toán kịp thời đã giúp HĐQT và Ban điều hành có những quyết định phù hợp kịp thời với hoạt động SXKD.
 - + Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán trong kỳ.

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 2017

- BKS đã thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT và Ban Điều hành cho Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm Soát đánh giá các báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.
- Ban Kiểm Soát thống nhất với số liệu trong báo cáo tài chính kiểm toán 2017.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành

- Ban Kiểm Soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, cũng như đã bám sát các mục tiêu của Đại hội đồng Cổ đông 2016 đề ra.
- Ban Kiểm Soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành.
- Ban Kiểm Soát nhất trí với nội dung báo cáo KQKD năm 2017 của Ban Điều Hành.

Ý kiến Cổ đông

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền dự Đại Hội, Ban Kiểm Soát không nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau trong năm tài chính 2017:**
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018;
 - Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các công ty thành viên thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban kiểm soát;
 - Thực hiện giám sát và kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty thành viên một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất;
 - Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia gia quản lý góp vốn, hiệu quả vốn góp vào các công ty thành viên, các công ty liên kết của Công ty;
 - Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty, Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông;
 - Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của HĐQT và Ban điều hành đối với các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BTGD

STT	CHỈ TIÊU	SỐ NGƯỜI	THÙ LAO PHÊ DUYỆT (VND/NGƯỜI/THÁNG)	TỔNG THÙ LAO/ THÁNG
A	Thù lao Hội Đồng Quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	6	4.000.000	24.000.000
B	Thù lao Ban Kiểm soát			
1	Trưởng ban Kiểm soát	1	3.000.000	3.000.000
2	Thành viên BKS	2	1.500.000	3.000.000
C	Tổng cộng			35.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Đầu tư Dững Tâm	Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT F.I.T	67.112.733	26,35%	77.112.733	30,27%	Tăng tỷ lệ

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch
	Bà	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó chủ tịch
	Ông	Phan Minh Sáng	Thành viên
	Bà	Bùi Thanh Hương	Thành viên
	Ông	Phạm Công Sinh	Thành viên
	Ông	Hứa Xuân Sinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 7/11/2017)
	Bà	Tưởng Thị Thu Hạnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 7/11/2017)
Ban Tổng Giám đốc	Bà	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc
	Ông	Lê Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc tài chính

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng giám đốc	Tháng 10 năm 2012

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

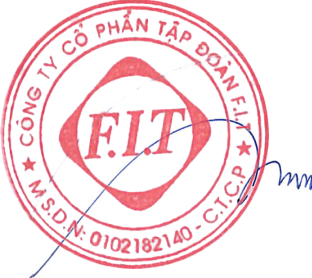
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08/03/2018, từ trang 04 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0657-2015-156-1
Thay mặt đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.421.819.120.570	2.298.900.738.968
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.148.305.882	47.232.054.588
1. Tiền	111		44.148.305.882	43.732.054.588
2. Các khoản tương đương tiền	112			3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.642.018.203.026	1.227.245.102.236
1. Chứng khoán kinh doanh	121		173.780.426.948	223.638.003.610
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			(13.089.677.452)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.468.237.776.078	1.016.696.776.078
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		363.902.255.542	700.263.184.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	290.225.501.025	646.345.653.860
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	73.318.845.984	74.803.832.487
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	65.487.140.179	44.257.064.854
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(65.229.249.787)	(65.617.702.921)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		100.018.141	474.336.081
IV. Hàng tồn kho	140	11	333.005.642.039	299.409.105.580
1. Hàng tồn kho	141		350.739.513.900	305.102.274.229
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.733.871.861)	(5.693.168.649)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.744.714.081	24.751.292.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	5.804.520.504	3.569.315.183
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.204.091.073	19.358.177.212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	123		1.736.102.504	1.823.799.808

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.477.669.675.454	2.040.422.570.775
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.934.044.441	6.261.870.115
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	18.949.699.326	
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.984.345.115	6.261.870.115
II. Tài sản cố định	220		557.505.695.931	339.351.366.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	364.097.989.906	232.978.489.726
- Nguyên giá	222		902.265.619.048	602.956.689.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(538.167.629.142)	(369.978.199.461)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	193.407.706.025	106.372.876.597
- Nguyên giá	228		200.086.496.135	108.359.379.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.678.790.110)	(1.986.502.548)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	82.546.083.828	13.988.887.651
- Nguyên giá	231		84.672.504.853	15.781.667.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.126.421.025)	(1.792.780.061)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	145.344.672.017	71.107.152.461
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		6.688.075.213	3.418.123.704
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		138.656.596.804	67.689.028.757
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.462.907.258.485	1.420.971.815.673
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		773.925.078.485	787.805.635.673
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.982.180.000	3.302.180.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		662.000.000.000	629.864.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.729.773.528	19.524.340.854
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	13.685.180.735	17.374.212.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.044.592.793	2.150.128.057
VII. Lợi thế thương mại	269	17	187.702.147.224	169.217.137.698
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.899.488.796.024	4.339.323.309.743

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		901.611.266.400	576.364.909.277
I. Nợ ngắn hạn	310		665.919.137.575	543.281.500.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	162.774.635.378	103.293.248.207
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.344.895.102	7.668.528.249
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	37.812.386.109	45.978.550.165
4. Phải trả người lao động	314		32.565.613.565	36.785.562.136
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	34.408.159.267	24.440.509.581
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		113.332.560	202.593.478
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	24.605.070.340	20.911.752.017
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	353.692.888.292	291.867.279.413
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.602.156.962	12.133.477.675
II. Nợ dài hạn	330		235.692.128.825	33.083.408.356
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	21.354.764.679	9.446.929.821
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	209.847.799.062	23.636.478.535
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.489.565.084	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.997.877.529.624	3.762.958.400.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	3.997.877.529.624	3.762.958.400.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.547.302.470.000	2.235.489.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411		2.547.302.470.000	2.235.489.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.045.649.714	23.284.722.214
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		80.481.887.391	80.481.887.391
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		886.852.413	886.852.413
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		222.990.534.408	179.329.530.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421		116.943.174.103	67.299.969.318
- LNST chưa phân phối năm nay	421		106.047.360.305	112.029.561.244
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.076.170.135.698	1.243.485.787.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.899.488.796.024	4.339.323.309.743



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Ninh Thị Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.667.997.836.209	2.489.445.411.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		42.636.849.924	66.691.641.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp (10 = 01 - 02)	10	26	1.625.360.986.285	2.422.753.770.524
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.240.740.514.377	1.986.528.301.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		384.620.471.908	436.225.468.862
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	164.691.867.739	231.938.046.869
7. Chi phí tài chính	22	30	34.972.228.190	73.951.049.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.853.673.182	50.935.974.764
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(10.335.967.979)	
9. Chi phí bán hàng	25	31	210.721.192.972	255.834.291.738
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	137.467.606.845	142.783.440.459
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}	30		155.815.343.661	195.594.734.312
12. Thu nhập khác	31		13.053.519.511	2.048.879.162
13. Chi phí khác	32		4.460.047.081	1.909.801.245
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.593.472.430	139.077.917
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		164.408.816.091	195.733.812.229
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	49.403.510.518	50.742.089.318
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.422.673.292	1.307.583.364
18. Lợi nhuận s au thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		112.582.632.281	143.684.139.548
19. Lợi nhuận s au thuế của Công ty mẹ	61		106.047.360.305	112.029.561.245
20. Lợi nhuận s au thuế của cổ đông không kiểm s oát	62		6.535.271.976	31.654.578.303
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	417	591

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	164.408.816.091	195.733.812.229
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại	02	73.011.167.559	62.185.546.628
- Các khoản dự phòng	03	(19.907.721.246)	14.395.651.300
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	88.971.613	403.924.469
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(138.413.989.638)	(148.855.818.065)
- Chi phí lãi vay	06	41.853.673.182	50.935.974.764
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121.040.917.562	174.799.091.325
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.079.320.815	(283.149.093.213)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	22.676.808.572	87.070.758.909
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.879.797.980)	(158.043.728.342)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.602.616.150	23.152.001.011
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	49.857.576.662	171.234.762.928
- Tiền lãi vay đã trả	14	(41.720.983.969)	(45.701.398.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56.592.194.447)	(58.424.031.441)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.155.394.214)	(1.398.215.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	96.908.869.151	(90.459.853.247)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua s ắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(308.089.144.025)	(80.106.871.050)



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

[Handwritten signature]

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Ninh Thị Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	46.136.727.182	1.522.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.090.176.416.240)	(3.790.416.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	4.612.999.416.240	3.552.092.437.500
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(462.924.670.026)	(385.260.855.673)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	322.095.000.000	160.386.690.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	122.343.826.570	127.550.552.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(757.615.260.299)	(414.231.409.895)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận vốn góp của CSH	31	409.584.777.500	97.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.707.511.240.996	7.307.670.322.746
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.459.468.197.438)	(7.592.370.571.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	657.627.821.058	(187.200.249.206)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.078.570.091)	(691.891.512.349)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	47.232.054.588	739.123.566.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.178.615)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	44.148.305.882	47.232.054.588



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Ninh Thị Phương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHẮT QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu Tư F.I.T được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2007 và Giấy chứng nhận kinh doanh được thay đổi lần 28 số 0102182140 ngày 27/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 28 ngày 27/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 2.547.302.470.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2017 là 2.011 người (tại ngày 31/12/2016 là 2.491 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Bãi đỗ xe và các công trình công cộng; Tư vấn đầu tư; Tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A); Tư vấn cổ phần hóa; Tư vấn quản trị doanh nghiệp; Tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn đầu tư; Tư vấn quản lý kinh doanh; Tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Xuất nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp; Kinh doanh sản phẩm, vật tư nông nghiệp; Kinh doanh các mặt hàng thuốc; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

TÊN CÔNG TY	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty con cấp 1				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Cần Thơ	56,69%	56,69%	Kinh doanh sản phẩm nông nghiệp
Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Vĩnh Long	71,09%	71,09%	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÊN CÔNG TY	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Bất động sản F.I.T	Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty con cấp 2				
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cần Thơ	54,80%	96,66%	Chế biến nông sản
Công ty CP Hạt giống TSC	Cần Thơ	55,74%	99,74%	Kinh doanh hạt giống
Công ty CP FIT Consumer	Hồ Chí Minh	56,99%	81,72%	Kinh doanh hàng tiêu dùng
Công ty CP Giống Cây Trồng Nông Tín	Hồ Chí Minh	44,03%	77,67%	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng
Công ty CP Westfood Hậu Giang	Hậu Giang	55,08%	100%	Chế biến nông sản
Công ty Liên doanh Sản xuất Kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Lào	36,26%	51,00%	Giới thiệu thuốc
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkông	Vĩnh Long	71,09%	100,00%	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Hồ Chí Minh	71,09%	100,00%	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế
Công ty CP Dược phẩm Benovas	Hồ Chí Minh	67,54%	95,00%	Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế
Công ty CP Thiết bị Y tế Benovas	Vĩnh Long	70,38%	99,00%	Sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế
Công ty CP Thuốc Ung Thư Benovas	Hà Nội	39,10%	55,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu...
Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm	Long An	63,98%	89,99%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu...
Công ty liên kết				
Công ty CP FIT Cosmetics	Hồ Chí Minh	27,97%	49,08%	Phân phối ngành hàng hóa mỹ phẩm
Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa	Khánh Hòa	27,92%	49,00%	Sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính (trừ khoản đầu tư dài hạn khác, đầu tư công ty con) được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh số 14;
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí khoản đầu tư so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại Công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và không thực hiện phân bổ (tính từ năm 2015). Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành Nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính Ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng, chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Súc vật, cây lâu năm	03 - 04
Tài sản cố định khác	10 - 20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Với Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài không tiến hành phân bổ

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo giá gốc tại ngày 31/12/2017.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 46 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, cải tạo, bảo trì và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Giá bán các sản phẩm của Công ty con - Công ty Cổ phần Dược phẩm Evupharm được thỏa thuận theo từng hợp đồng bán hàng, căn cứ theo giá niêm yết trừ các khoản chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn (nếu có). Chính sách chiết khấu được thực hiện theo từng thời điểm và cho từng đối tượng cụ thể căn cứ theo các chương trình chiết khấu có phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Evupharm. Đối với doanh thu bán hàng với Công ty Cổ phần

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dược phẩm Amigo Việt Nam trong tháng 6/2017, giá bán được thực hiện theo đúng giá niêm yết sản phẩm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Evui Pharm và không có khoản chiết khấu nào liên quan.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.820.660.889	1.156.125.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.327.644.993	42.575.929.131
Các khoản tương đương		3.500.000.000
Cộng	44.148.305.882	47.232.054.588

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	173.780.426.948	173.892.557.000		223.638.003.610	210.548.326.158	13.089.677.452
Tổng giá trị cổ phiếu	173.780.426.948	173.892.557.000		223.638.003.610	210.548.326.158	13.089.677.452
- Cổ phiếu đã niêm yết (i)	1.097.869.948	1.210.000.000		107.708.403.610	94.618.726.158	13.089.677.452
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (ii)	172.682.557.000	172.682.557.000		115.929.600.000	115.929.600.000	

Ghi chú: (i) Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
(ii) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 31/12/2017 nên Công ty đang trình bày giá trị hợp lý theo giá gốc và không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.130.237.776.078	2.130.237.776.078	1.646.560.776.078	1.646.560.776.078
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.468.237.776.078</i>	<i>1.468.237.776.078</i>	<i>1.016.696.776.078</i>	<i>1.016.696.776.078</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn	916.760.000.000	916.760.000.000	698.500.000.000	698.500.000.000
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác (i)	551.477.776.078	551.477.776.078	318.196.776.078	318.196.776.078
+ Khoản đầu tư vào tổ chức	551.262.632.350	551.262.632.350	117.056.632.350	117.056.632.350
+ Khoản đầu tư vào cá nhân	215.143.728	215.143.728	201.140.143.728	201.140.143.728
<i>Dài hạn</i>	<i>662.000.000.000</i>	<i>662.000.000.000</i>	<i>629.864.000.000</i>	<i>629.864.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn	52.500.000.000	52.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Trái phiếu (ii)	512.000.000.000	512.000.000.000	512.000.000.000	512.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác (iii)	97.500.000.000	97.500.000.000	107.864.000.000	107.864.000.000
+ Khoản đầu tư vào tổ chức	97.500.000.000	97.500.000.000		
+ Khoản đầu tư vào cá nhân			107.864.000.000	107.864.000.000

Các khoản tiền gửi đang được đem cầm cố cho các khoản vay tại Thuyết minh số 20.

Ghi chú:
(i) Đầu tư ngắn hạn khác là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, thời hạn hợp tác đầu tư quy định trong hợp đồng là dưới 12 tháng và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn thực góp của Công ty mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.
(ii) Khoản đầu tư mua trái phiếu với kỳ hạn là 5 năm, lãi suất là 5%/năm nếu đến thời điểm đáo hạn Công ty không chuyển đổi sang cổ phiếu.
(iii) Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, khi hết hạn hợp đồng ngoài số vốn gốc Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn thực góp của Công ty mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
c) Đầu tư tài chính dài hạn	814.787.815.673	800.907.258.485		791.107.815.673	791.107.815.673	
c1) Đầu tư vào Công ty liên kết	787.805.635.673	773.925.078.485		787.805.635.673	787.805.635.673	
Công ty CP FIT Cosmetics	423.224.780.000	411.313.058.833		423.224.780.000	423.224.780.000	
Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa	364.580.855.673	362.612.019.652		364.580.855.673	364.580.855.673	
c2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.982.180.000	26.982.180.000		3.302.180.000	3.302.180.000	
Công ty CP Thương mại và Phát triển Nông Nghiệp VP	23.680.000.000	23.680.000.000				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam	3.302.180.000	3.302.180.000		3.302.180.000	3.302.180.000	

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư công ty liên kết tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	49,08%	27,97%	49,08%	27,74%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	49,00%	27,92%	49,00%	27,69%

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200283916 ngày 09/6/2006 thay đổi lần thứ 9 ngày 16/01/2017. Vốn đầu tư tại ngày 31/12/2017 là 364.580.855.673 đồng. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa có lỗ trong năm là 1.865.985.662 đồng, vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 là 153.313.288.151 đồng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty Cổ phần FIT Cosmetics hoạt động trong lĩnh vực phân phối ngành hàng hóa mỹ phẩm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104344157 ngày 11/12/2009, thay đổi lần thứ 8 ngày 18/5/2017. Vốn đầu tư tại ngày 31/12/2017 là 423.224.780.000 đồng. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần FIT Cosmetics có lỗ trong năm là 22.608.827.588 đồng, vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 là 133.414.998.690 đồng.

Công ty không trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác do các Công ty trên đang lỗ theo kế hoạch đã được Công ty xác định khi lập phương án kinh doanh.

Xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên kết: Được trình bày là giá khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu;
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác chưa niêm yết: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	290.225.501.025	646.345.653.860
Khách hàng của Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T - Công ty mẹ	3.328.713.576	3.640.066.458
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	62.304.009.849	407.703.642.521
Khách hàng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	224.179.243.516	234.836.383.121
Khách hàng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	413.534.084	165.561.760
Phải thu dài hạn của khách hàng	18.949.699.326	
Khách hàng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất) (i)	18.949.699.326	
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	(54.040.165.231)	(52.865.810.774)

Ghi chú:

(i) Khoản phải thu này bao gồm khoản phải thu ngắn hạn của Công ty CP Dược Phẩm Euvipharml (Công ty con của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long) với Công ty CP Dược phẩm Amigo Việt Nam với giá trị là 18.949.699.326 đồng liên quan đến giao dịch phát sinh doanh thu trong tháng 06 năm 2017 (xem thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	73.318.845.984	74.803.832.487
Người bán của Công ty CP Tập Đoàn F.I.T - Công ty Mẹ	8.838.906.842	3.837.014.120
Người bán của Công ty VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	40.088.799.115	34.672.851.702
Người bán của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	24.371.840.027	36.293.966.665
Người bán của Công ty CP XNK và TM F.I.T Việt Nam	16.500.000	
Người bán của Công ty CP Đầu tư BĐS F.I.T	2.800.000	
Dự phòng phải thu trả trước cho người bán khó đòi	(3.166.490.453)	(4.295.742.532)

9. KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	65.487.140.179	(7.807.450.375)	44.257.064.854	(8.419.877.890)
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi, cho vay, hợp tác đầu tư	40.988.247.095		26.460.208.435	(1.238.315.518)
Ký quỹ, ký cược	2.467.611.256		62.090.320	
Tạm ứng	7.029.280.858	(689.833.740)	5.185.152.015	(710.286.516)
Phải thu chi phí bán hàng , marketing			4.391.060.504	(3.924.082.450)
Phải thu Ông Đỗ Văn Tâm - khoản ứng trước tiền làm thủ tục xây dựng Nhà máy sản Bình Định	3.500.000.000	(2.450.000.000)	3.500.000.000	(1.750.000.000)
Phải thu khác	11.502.000.970	(4.667.616.635)	4.658.553.580	797.193.406)
b) Dài hạn	5.984.345.115		6.261.870.115	
Ký cược, ký quỹ	5.984.345.115		6.261.870.115	

10. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn khác	215.143.728			
Khách hàng của Công ty CP Tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ	215.143.728			
Phải thu khách hàng	70.602.353.374	16.562.188.143	68.944.579.316	16.078.768.542
Khách hàng của Công ty CP Tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ	99.436.958		99.436.958	
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	17.130.543.719	6.224.166.930	13.019.183.604	4.178.636.145
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	53.372.372.697	10.338.021.213	55.825.958.754	11.900.132.397
Phải thu khác	8.869.881.677	1.062.431.302	10.434.250.458	2.014.372.568
Khách hàng của Công ty CP tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ	46.793.763		1.490.756.847	252.441.266
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	3.500.000.000	1.050.000.000	3.500.000.000	1.750.000.000
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	5.323.087.914	12.431.302	5.443.493.611	11.931.302
Trả trước cho người bán	5.785.660.768	2.619.170.315	4.332.014.257	
Khách hàng của Công ty CP tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ			3.784.694.120	
Khách hàng của Công ty VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	5.238.340.631	2.619.170.315		
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	547.320.137		547.320.137	
Cộng	85.473.039.547	20.243.789.760	83.710.844.031	18.093.141.110

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	14.213.190.546		53.186.750.957	
Nguyên liệu, vật liệu	140.881.613.536	(15.810.930.650)	97.783.173.359	(2.071.198.426)
Công cụ, dụng cụ	7.977.335.715		6.524.389.538	
Chi phí SXKD dở dang	23.370.880.463		15.793.445.193	
Thành phẩm	116.210.863.228	(1.753.505.111)	95.422.719.602	(1.626.332.196)
Hàng hóa	48.082.895.520	(169.436.100)	28.004.116.531	(1.995.638.027)
Hàng gửi bán	2.734.893		8.387.679.049	
Cộng	350.739.513.900	(17.733.871.861)	305.102.274.229	(5.693.168.649)

Như trình bày tại thuyết minh số 20, hàng tồn kho với giá trị tồn kho bình quân tối thiểu: 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm được phản ánh trong sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long là tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 301/KHDN/2016 ngày 30/9/2016.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	161.347.889.273	400.212.116.059	37.054.326.567	4.146.422.187	195.935.101	602.956.689.187
- Mua trong năm	1.339.036.364	42.596.142.327	5.568.940.000	9.025.076.521	63.000.000	58.592.195.212
- Đầu tư XDCB hoàn thành	23.612.414.374					23.612.414.374
- Tăng do hợp nhất Công ty con lần đầu	73.734.265.735	75.172.819.115	1.226.624.346	90.266.190	90.059.569.803	240.283.545.189
- Thanh lý, nhượng bán	(8.503.039.166)	(4.274.554.796)	(10.268.516.952)	(133.114.000)		(23.179.224.914)
Tại ngày cuối năm	251.530.566.580	513.706.522.705	33.581.373.961	13.128.650.898	90.318.504.904	902.265.619.048
GIÁ TRỊ HAO MỠN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	71.073.007.848	281.334.463.217	15.490.592.139	1.936.321.121	143.815.136	369.978.199.461
- Khấu hao trong năm	10.497.562.953	28.481.078.089	3.563.610.676	1.379.203.846	3.448.873.595	47.370.329.159
- Tăng do hợp nhất Công ty con lần đầu	21.284.841.756	57.889.067.663	1.168.470.360	113.309.787	50.374.556.356	130.830.245.922
- Thanh lý, nhượng bán	(4.161.548.327)	(4.274.554.796)	(1.441.928.277)	(133.114.000)		(10.011.145.400)
- Phân loại lại khấu hao	(220.083.989)	220.083.989				
Tại ngày cuối năm	98.473.780.241	363.650.138.162	18.780.744.898	3.295.720.754	53.967.245.087	538.167.629.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	90.274.881.425	118.877.652.842	21.563.734.428	2.210.101.066	52.119.965	232.978.489.726
Tại ngày cuối năm	153.056.786.339	150.056.384.543	14.800.629.063	9.832.930.144	36.351.259.817	364.097.989.906

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bảng quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	106.378.718.810	136.363.635	855.616.700	988.680.000	108.359.379.145
- Mua trong năm (i)	97.480.085.650				97.480.085.650
- Chuyển từ XDCB			3.399.614.400		3.399.614.400
- Tăng do mua Công ty con	10.446.219.040		349.222.500		10.795.441.540
- Thanh lý nhượng bán	(19.948.024.600)				(19.948.024.600)
Tại ngày cuối năm	194.356.998.900	136.363.635	4.604.453.600	988.680.000	200.086.496.135
GIÁ TRỊ HAO MỠN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	1.437.067.908	136.363.635	404.832.006	8.238.999	1.986.502.548
- Khấu hao trong kỳ	1.667.397.126		291.917.583	49.434.000	2.008.748.709
- Tăng do mua Công ty con	2.421.621.978		261.916.875		2.683.538.853
Tại ngày cuối năm	5.526.087.012	136.363.635	958.666.464	57.672.999	6.678.790.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	104.941.650.902		450.784.694	980.441.001	106.372.876.597
Tại ngày cuối năm	188.830.911.888		3.645.787.136	931.007.001	193.407.706.025

Ghi chú:
(i) Trong năm Công ty có tiến hành mua hai lô đất tại Phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ với diện tích là 3.691,9 m2 (đất trồng cây lâu năm) và 2.438,7 m2 (đất trồng lúa) có tổng giá trị 61.549.000.000 đồng để mở rộng kinh doanh mảng chế biến nông sản xuất nhập khẩu, đây được coi là ngành chủ lực của Công ty trong tương lai. Đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa phát sinh chi phí triển khai dự án nào tại hai lô đất trên.

Quyền sử dụng đất tại ngày 31/12/2017 của Công ty bao gồm:
- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 35 Lê Văn Lương (tương ứng với phần diện tích Văn phòng mà Công ty sở hữu);
- Giá trị quyền sử dụng đất tại Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ: phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Tổng Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là 13.194.675.585 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 13.194.675.585 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 39.850.778.596 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 13.194.675.585 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	15.781.667.712	15.781.667.712
- Đầu tư XDCB hoàn thành	71.793.804.853	71.793.804.853
- Tăng khác	223.690.640	223.690.640
- Thanh lý, nhượng bán	(3.126.658.352)	(3.126.658.352)
Tại ngày cuối năm	84.672.504.853	84.672.504.853
GIÁ TRỊ HAO MỐN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	1.792.780.061	1.792.780.061
- Khấu hao trong kỳ	1.134.262.147	1.134.262.147
- Thanh lý, nhượng bán	(291.821.460)	(291.821.460)
- Giảm khác	(508.799.723)	(508.799.723)
Tại ngày cuối năm	2.126.421.025	2.126.421.025
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	13.988.887.651	13.988.887.651
Tại ngày cuối năm	82.546.083.828	82.546.083.828

15. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	6.688.075.213		3.418.123.704	
Chi phí đầu tư vùng nguyên liệu dự án tại Hậu Giang	6.688.075.213		3.418.123.704	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	138.656.596.804		67.689.028.757	
Mua s ầm tài s ản cố định	10.729.275.946		10.316.395.000	
Chi phí mua Văn phòng Lê Văn Lương			40.584.251.404	
Chi phí nâng cấp nhà máy Caps 3 (i)	109.224.134.375		59.270.000	
Bản quyền phân phối độc quyền thuốc				
Mua đất chưa hoàn thành thủ tục sang tên (ii)	9.490.344.520		9.490.344.520	
Đầu tư xây dựng nhà máy tại Hậu Giang	4.888.387.833		4.888.387.833	
Các công trình khác	4.324.454.130		2.350.380.000	
Cộng	145.344.672.017		71.107.152.461	

Ghi chú:
(i) Công ty đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị tại ngày 31/12/2017 là khoảng 109.224.134.375 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng. Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 706.450.227 đồng.
(ii)Chi phí Công ty bỏ ra để có được quyền sở hữu và sử dụng lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã phát sinh từ các năm 2009 đến năm 2012. Công ty vẫn đang tiếp tục xử lý để hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	5.804.520.504	3.569.315.183
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		39.000.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.671.363.521	2.112.345.536
Các khoản khác	3.133.156.983	1.417.969.647
b) Dài hạn	13.685.180.735	17.374.212.797
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.304.617.518	
Chi phí trả trước của dự án Westfood Hậu Giang giai đoạn chưa hoạt động	1.441.030.660	
Chi phí sửa chữa, cải tạo, bảo trì	8.222.257.906	14.296.567.745
Các khoản khác	1.717.274.651	3.077.645.052

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	169.217.137.698	191.673.765.163
Số tăng trong năm	42.801.919.499	
Số phân bổ trong năm	(24.316.909.973)	(20.393.400.686)
Giảm khác		(2.063.226.779)
Tại ngày cuối năm	187.702.147.224	169.217.137.698

Giá trị còn lại lợi thế thương mại phát sinh khi mua các Công ty con sau:

	Đầu năm VND	Cuối năm VND
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Euvipharm	38.878.410.212	
Công ty CP Giống Cây Trồng Nông Tín	9.648.288.993	10.934.727.525
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	18.774.696.854	21.556.133.426
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	120.400.751.165	136.726.276.747
	187.702.147.224	169.217.137.698

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải trả người bán ngắn hạn	162.774.635.378	162.774.635.378	103.293.248.207	103.293.248.207
<i>a) Các k hoản phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>88.609.031.535</i>	<i>88.609.031.535</i>	<i>49.571.381.417</i>	<i>49.571.381.417</i>
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	88.609.031.535	88.609.031.535	49.571.381.417	49.571.381.417
+ Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa - Fit Beverage	47.161.690.846	47.161.690.846	20.335.645.732	20.335.645.732
+ Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	41.447.340.689	41.447.340.689	29.235.735.685	29.235.735.685
<i>b) Các k hoản phải trả người bán ngắn hạn k hác</i>	<i>74.165.603.843</i>	<i>74.165.603.843</i>	<i>53.721.866.790</i>	<i>53.721.866.790</i>
Khách hàng của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ	689.673.668	689.673.668	712.759.117	712.759.117
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	6.850.878.883	6.850.878.883	28.825.337.178	28.825.337.178
Khách hàng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	66.618.631.292	66.618.631.292	24.175.970.495	24.175.970.495
Khách hàng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	6.420.000	6.420.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T			7.800.000	7.800.000

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải nộp	37.812.386.109	98.922.525.501	107.088.689.557	45.978.550.165
- Thuế GTGT	263.842.298	36.937.836.431	37.798.936.309	1.124.942.176
- Thuế TNDN	36.671.607.484	49.403.510.518	56.592.194.447	43.860.291.413
- Thuế thu nhập cá nhân	875.175.477	8.286.712.544	8.316.918.134	905.381.067
- Tiền thuê đất, tiền nhà đất		4.213.252.105	4.213.252.105	
- Các loại thuế, phí khác	1.760.850	81.213.903	167.388.562	87.935.509

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	34.408.159.267	24.440.509.581
Trích trước chi phí lãi tiền vay	1.058.414.428	219.274.988
Trích trước chi phí đầu tư xây dựng	11.692.540.118	
Trích trước chi phí chiết khấu, hoa hồng bán hàng, thuê cửa hàng	14.606.123.470	13.987.173.126
Chi phí vận chuyển	2.389.970.735	2.690.824.000
Chi phí khác	4.661.110.516	7.543.237.467
Cộng	34.408.159.267	24.440.509.581

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	24.605.070.340	20.911.752.017
- Tài s ản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	747.172.127	1.529.531.840
- Phải trả khoản nhận hợp tác kinh doanh	12.000.000.000	2.030.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm (i)	10.000.000.000	
Các đối tượng khác	2.000.000.000	2.030.000.000
- Tập đoàn Valeant (ii)	8.500.000.000	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		14.832.005.400
- Phải trả khác	3.185.158.357	2.347.474.921
b) Dài hạn	21.354.764.679	9.446.929.821
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.591.407.665	6.109.391.715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.763.357.014	3.337.538.106
- Phải trả khoản nhận hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản DPV (iii)	10.000.000.000	

Ghi chú:
(i) Khoản phải trả khác với Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm là khoản Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-13012017/HDDT/DT-FITTRADING ngày 13/01/2017. Thời hạn hợp tác đầu tư là 12 tháng và Công ty Cổ phần Đầu Tư Dững Tâm sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % của số vốn thực góp (9.9%/360 ngày) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam.

(ii) Khoản ký quỹ 5% trong 6 tháng trên tổng giá trị 170 tỷ đồng (tương đương 8,5 tỷ đồng) mà Công ty con - Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải thanh toán cho Tập đoàn Valeant trong giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Euvipharml vào ngày 06/01/2017.

(iii) Khoản phải trả Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản DPV theo Hợp đồng hợp tác số 2017-08-01/HTDT/FIT-DPV và phụ lục 1 ngày 01/08/2017, thời hạn hợp tác 60 tháng từ ngày ký hợp đồng. Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản DPV góp vốn cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T số tiền 10.000.000.000 đồng. Mục đích hợp đồng hợp tác đầu tư là đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong mọi trường hợp, hai Bên sẽ phân chia lợi nhuận thu được từ hợp tác đầu tư chứng khoán theo tỷ lệ góp vốn quy định (F.I.T góp 51%, DPV góp 49%).

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	353.692.888.292	353.692.888.292	5.502.233.099.030	5.440.407.490.151	291.867.279.413	291.867.279.413
- Vay ngân hàng	307.628.097.501	307.628.097.501	5.456.086.826.487	5.433.278.608.399	284.819.879.413	284.819.879.413
+ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (i)	87.353.400.465	87.353.400.465	922.441.510.104	835.088.109.639		
+ Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	25.636.907.370	25.636.907.370	127.464.374.630	143.273.511.026	41.446.043.766	41.446.043.766
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	7.721.519	7.721.519	233.818.609.263	233.864.209.722	53.321.978	53.321.978
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (iii)	46.195.755.417	46.195.755.417	423.460.528.286	431.636.211.182	54.371.438.313	54.371.438.313
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (iv)	110.161.995.514	110.161.995.514	3.640.214.773.950	3.696.070.232.280	166.017.453.844	166.017.453.844
+ Ngân hàng TNHH MTV Public VN (v)	997.884.341	997.884.341	997.884.341			
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN (vi)	37.274.432.875	37.274.432.875	107.689.145.913	93.346.334.550	22.931.621.512	22.931.621.512
- Vay dài hạn đến hạn trả	46.064.790.791	46.064.790.791	46.146.272.543	7.128.881.752	7.047.400.000	7.047.400.000
b) Vay dài hạn	209.847.799.062	209.847.799.062	251.422.671.557	65.211.351.030	23.636.478.535	23.636.478.535
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	33.856.426.500	33.856.426.500	52.086.810.000	18.230.383.500		
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN(ii)	82.030.561.484	82.030.561.484	77.675.237.227	17.759.654.278	22.114.978.535	22.114.978.535
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN (iii)	89.138.124.000	89.138.124.000	111.250.124.000	22.112.000.000		
+ Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	4.822.687.078	4.822.687.078	10.410.500.330	5.587.813.252		
+ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				1.521.500.000	1.521.500.000	1.521.500.000

Ghi chú:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VP Bank:

Hợp đồng số 161117-1206291-01-SME ngày 16/11/2017 với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Hạn mức thấu chi 41.360.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức 3 tháng tính từ 16/11/2017 đến 05/2/2018, lãi suất 7.5%/năm (360 ngày). Mục đích thấu chi để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được cầm cố bằng tiền gửi có kỳ hạn số 1147044881 tại VPBank số tiền 41.360.000.000 đồng, hợp đồng cầm cố số 250417-1206291-01-SME ngày 25/4/2017 số tiền 20.000.000.000 đồng và phụ lục kèm theo. Số dư tại 31/12/2017: 40.028.408.394 đồng.

Hợp đồng số 130717-3294992-01-SME/HDTC ngày 21/07/2017, hạn mức thấu chi là 50.000.000.000 đồng, mục đích bù đắp thiếu hụt thanh toán, cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi số VPBFC/TGCKH-1107/2017 ngày 13/07/2017 với số tiền là 50.000.000.000 đồng. Số dư tại 31/12/2017: 47.324.992.081 đồng.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội:

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng vay số 2032.451.345764.TD ngày 10/03/2017, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh được, bảo lãnh, mở LC; với hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, với lãi suất vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

Giấy nhận nợ số 04 kèm theo hợp đồng tín dụng số 01091116/HĐTD/VCB-FIT ngày 09/11/2016 số tiền vay theo giấy nhận nợ là 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng từ 04/10/2017 - 05/03/2018, lãi suất cố định 6.5% (trả lãi ngày 26 hàng tháng) , mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Số dư tại ngày 31/12/2017: 20.000.000.000 đồng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 32/HĐTD-VLO.KH ngày 18/08/2016, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; với hạn mức vay là 40 tỷ đồng, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, với lãi suất vay 6%/năm và thay đổi theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Và khoản vay thấu chi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 01/2016/VCB-VLO. KH ngày 30/12/2016, với mục đích vay bổ sung vốn thiếu hụt tạm thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của Công ty, với hạn mức thấu chi là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 06 tháng với lãi suất thấu chi trong hạn là 6.7%/năm. Số dư tại 31/12/2017: 15.068.340.417 đồng.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng vay hạn mức số 120/VCBCT ngày 06/07/2017, hạn mức vay 13.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, lãi suất theo thông báo lãi suất của Ngân hàng được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng Bất động sản theo HĐTC số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015, HĐTC số 72/2014/VCBCT ngày 8/10/2014 giữa TSC và Vietcombank Chi nhánh Cần Thơ. Số dư tại 31/12/2017: 11.127.415.000 đồng.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Hợp đồng thấu chi số 03/2017/2268539/HĐTC ngày 30/3/2017 với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức thấu chi 130.000.000.000 đồng. Thời hạn thấu chi từ ngày ký hợp đồng đến ngày 8/1/2018, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất kỳ đầu tiên áp dụng đến hết ngày 30/6/2017 là 6.8%. Mục đích thấu chi là bù đắp thiếu hụt thanh toán(vốn ngắn hạn) tạm thời. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi số 11/2017/HĐTG. TX-XC ngày 6/1/2017 Số tiền 130.000.000.000 đồng. Số dư tại 31/12/2017: 51.670.542.024 đồng.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Tiếp theo):

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 01/2017/742762/HĐTD ngày 05/01/2017, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh được, bảo lãnh, mở LC; với hạn mức vay là 40 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với lãi suất vay theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Và khoản vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 001/2016/742762/HĐTC ngày 04/10/2016, với mục đích vay để bổ sung vốn thiếu hụt tạm thời cho các khoản chi phí phù hợp với lĩnh vực kinh doanh số 1500202535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/04/2016 với hạn mức vay là 99 tỷ đồng thời hạn cấp hạn mức là 06 tháng và đã ký gia hạn cho đến ngày 23/09/2017, với lãi suất thấu chi trong hạn là 6.7%/năm. Số dư tại 31/12/2017 là 25.306.707.790 đồng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng thấu chi số 01/2017/9595952/HĐTC ngày 11/05/2017, với mục đích bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo mùa vụ; hạn mức thấu chi là 29.990.000.000 đồng; lãi suất thấu chi áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất kỳ đầu tiên áp dụng đến hết ngày 30/6/2017 là 6,71%/năm. Lãi suất các kỳ tiếp theo bằng lãi suất cơ sở theo thông báo của BIDV tại thời điểm

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

điều chỉnh. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi với giá trị là 30.000.000.000 đồng tại ngân hàng BIDV Thanh Xuân. Số dư tại 31/12/2017 là 5.074.830.338 đồng.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng vay số 01/2017/7223548/HĐTC ngày 28/03/2017. Hạn mức vay 29.990.000.000 đồng - thời gian duy trì hạn mức đến 26/03/2018. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay được bảo đảm bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Số dư tại 31/12/2017: 7.515.285.822 đồng.

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV Hai Bà Trưng theo hợp đồng thấu chi số 01/2017/HĐ ngày 23/11/2017, hạn mức thấu chi là 22.499.000.000 đồng, mục đích vay là bù đắp thiếu hụt thanh toán, cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01.2017/HĐTG/FITTRADING-HBT ngày 23/11/2017 số tiền 22.500.000.000 đồng. Số dư tại 31/12/2017: 20.594.629.540 đồng.

(v) **Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam**

Hợp đồng vay thấu chi (OD) số TXN/000001/17 ngày 15/12/2017, hình thức tín dụng vay thấu chi hạn mức 1.000.000.000 đồng với lãi suất 1%+ Lãi suất của chứng chỉ tiền gửi bảo đảm cho ngân hàng, tài sản bảo đảm là khoản chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn giá trị 1.000.000.000 đồng gửi tại và cầm cố tại ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

(vi) **Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:**

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng: Hợp đồng vay số 50/2017-HĐTDHM/NHCT820 ngày 23/02/2017, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 5,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng hợp đồng thế chấp hàng hóa số 301/KHDN/2016 ngày 30/9/2016.

Các khoản vay và nợ dài hạn

Ghi chú:

(i) **Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á:**

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1631600086/HĐTD ngày ngày 29/11/2016 với ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Số tiền vay 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 13/1/2017 đến 13/1/2022, lãi xuất năm đầu tiên 9%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán một phần tiền mua 2 sàn tầng 4 và 5 - Khối dịch vụ thương mại văn phòng Dự án nhà ở kinh doanh kết hợp dịch vụ thương mại HACCI Complex Building tại lô đất 2.6 NO đường Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội. Tài sản bảo đảm là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán số 239/HĐMB và 240/HĐMB ký ngày 7/12/2015 với Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 103.616.600.000 đồng.

(ii) **Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN:**

Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng số 06/HĐĐT-DA-VLO.KH ngày 03/07/2017 với mục đích dùng để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III – Giai đoạn 1” tại số 21B, Phan Đình Phùng, phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty làm chủ đầu tư. Khoản vay có tổng số tiền cho vay tối đa là 111.915.145.300 đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT; Thời hạn cho vay là tối đa 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay là lãi suất cố định: 7,6%/năm áp dụng cố định trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau thời gian này lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long công bố (+) biên độ 2,15%/năm. Khoản vay được được bảo đảm bằng các Hợp đồng bảo đảm sau:

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thế chấp tài sản là: Toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ Dự án theo các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 200/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017, giá trị 31.399.000.000 đồng.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017, giá trị 8.028.309.960 đồng.

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017, giá trị 122.068.729.000 đồng.

Khoản vay hợp đồng nêu trên có số dư tại ngày 31/12/2017 là 67.642.262.924 đồng.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 05/VCBCT ngày 30/5/2017 là khoản vay bằng tiền VND với tổng số tiền cho vay tối đa là 680.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 54 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Khoản vay dùng để thanh toán chi phí đầu tư hệ thống chế biến nước khoáng. Công ty sử dụng tài sản này để thế chấp cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 29/2017 ngày 30/5/2017. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên là 7,6%/năm và từ năm thứ 2 trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng /lần. Số dư tại thời điểm 31/12/2017 là 600.760.000 đồng.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCBCT ngày 03/08/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1 ngày 30/12/2016 với tổng số tiền vay là 470.600 USD để thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 03/08/2016 đến ngày 03/08/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 34/2016/VCBCT ngày 03/08/2018. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 390.600 USD.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/VCBCT ngày 27/01/2016 với số tiền vay là 15.300.000.000 đồng để bù đắp thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị. Khoản vay có thời hạn vay 60 tháng từ ngày 28/01/2016 đến ngày 28/01/2021. Khoản vay chịu lãi suất 6,7%/năm cho năm đầu tiên và sẽ được điều chỉnh lãi suất định kỳ 1 tháng/ lần. Từ năm thứ 2 trở đi lãi suất thay đổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/ lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 20/2013/VCBCT ngày 29/03/2013, số 18/VCBCT ngày 26/01/2016 và số 19/VCBCT ngày 26/01/2016 như đã trình bày tại thuyết minh số 13. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 9.944.527.560 đồng.

Khoản vay ba hợp đồng nêu trên có số dư tại ngày 31/12/2017 là 14.388.298.560 đồng.

(iii) **Ngân hàng TMCP Công thương VN:**

Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cần Thơ theo hợp đồng số 143/2017-HDDC-VDDDADDT/NHCT820 ngày 03/11/2017 với mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp nhằm bù đắp một phần khoản tiền Công ty đã dùng để tăng vốn tại Công ty TNHH MTV Dược Phẩm VPC – Sài Gòn (Công ty con 100% vốn, để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh) (sau đây gọi là “dự án”). Khoản vay bằng Đồng Việt Nam, có tổng giá trị không vượt quá 107.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, được ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Khoản vay này được đảm bảo bởi các tài sản và hình thức bảo đảm theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp số 156/KHDN/2017 ngày 03/11/2017, 157/KHDN/2017 ngày 03/11/2017, và hợp đồng thế chấp số 159/KHDN/2017 ngày 03/11/2017. Theo đó:

- Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là 7.830.757.361 đồng đã được Công ty dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại Ngân hàng TMCP - Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 156/KHDN/2017 ngày 02/11/2017.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2017 là 97.872.519.892 đồng đã được Công ty dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại ngân hàng TMCP - Công Thương Việt Nam

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

– Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 156/KHDN/2017 ngày 02/11/2017 và hợp đồng thế chấp tài sản số 157/KHDN/2017 ngày 03/11/2017.

Số dư tại ngày 31/12/2017 của khoản vay này là 85.600.000.000 đồng

Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ là các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 260/2017 – HĐCVDADT/NHCT820-CTY CB TP XK MIEN TAY ngày 14/11/2017 với số tiền vay là 4.250.124.000 đồng để thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị. Theo kế ước nhận nợ số 1 ngày 20/11/2017 thì khoản vay có thời hạn nợ tới 27/11/2023. Khoản vay chịu lãi suất 7,5%/năm và sẽ được điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần theo quy định của ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số 193/KHDN/2027/17 ngày 16/8/2017 như đã trình bày tại thuyết minh số 13. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 3.538.124.000 đồng.

(iv) Ngân hàng TMCP Quân đội:

Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng số 4084.17.451.345764. TD ngày 19/5/2017 với mục đích tài trợ chi phí đầu tư kho mới và mua sắm máy móc thiết bị bổ sung cho hoạt động sản xuất của các nhà máy dược phẩm, dụng cụ y tế và capsule hiện hữu của Khách hàng tại TP Vĩnh Long.; Hạn mức vay là 34.415.000.000 đồng, nhưng không vượt quá tỷ lệ tài trợ trên tài sản đảm bảo; thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ phương án đầu tư là toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, capsule thuộc sở hữu của khách hàng, chi tiết theo các hợp đồng thế chấp sẽ được ký kết giữa khách hàng và MB, tỷ lệ tài trợ 70% giá trị tài sản đảm bảo.

Số dư các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2017 nêu trên không bao gồm số dư Vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2017.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND
Trong vòng một năm	46.064.790.791
Trong năm thứ hai	53.639.728.993
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	155.517.946.069
Sau năm năm	690.124.000
Cộng	255.912.589.853
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	46.064.790.791
Số phải trả sau 12 tháng	209.847.799.062

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Vốn khác VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ năm trước	1.792.124.770.000	14.805.156.176	8.490.566.038	886.852.413	261.562.252.028		979.304.952.928	3.057.174.549.583
Trái phiếu chuyển đổi (Giá trị quyền chọn cổ phiếu) (i)	300.000.000.000							300.000.000.000
Lợi nhuận trong năm					112.029.561.244		31.654.578.303	143.684.139.547
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức (ii)	143.364.850.000				(143.364.850.000)			
DCL chia cổ phiếu thưởng						80.481.887.391		80.481.887.391
Tăng do hợp nhất TSC							234.656.472.205	234.656.472.205
Tăng/(Giảm) do mua thêm/chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con					(43.112.312.706)			(43.112.312.706)
Chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con TSC							33.437.456.653	33.437.456.653
Tăng/ (giảm khác) (iii)		8.479.566.038	(8.490.566.038)		(6.176.438.707)			(6.187.438.707)
Mua thêm một phần lợi ích trong Công ty con DCL							(35.567.672.203)	(35.567.672.203)
Giảm khác					(1.608.681.297)			(1.608.681.297)
Số dư đầu kỳ năm nay	2.235.489.620.000	23.284.722.214		886.852.413	179.329.530.562	80.481.887.391	1.243.485.787.886	3.762.958.400.466
Tăng vốn trong kỳ	311.812.850.000	46.771.927.500						358.584.777.500
Lợi nhuận trong kỳ					106.047.360.305		6.535.271.976	112.582.632.281
Tăng do hợp nhất TSC							(188.712.429.179)	(188.712.429.179)
Tăng do hợp nhất DCL							57.244.222.122	57.244.222.122
Tăng lợi ích cổ đông không kiểm s oát của F.I.T Land							1.000.000.000	1.000.000.000
Tăng lợi ích cổ đông không kiểm s oát của DCL							5.000.000.000	5.000.000.000
Tăng khác					732.490.363			732.490.363
Tăng/(Giảm) do mua thêm/chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con					(52.355.535.453)		(48.382.717.107)	(100.738.252.560)
Giảm khác		(11.000.000)			(10.763.311.370)			(10.774.311.370)
Số dư cuối kỳ	2.547.302.470.000	70.045.649.714		886.852.413	222.990.534.408	80.481.887.391	1.076.170.135.698	3.997.877.529.624

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 02/2016/ĐHĐCĐ/F.I.T ngày 22/09/2016, Công ty đã thực hiện Đợt 1 chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược. Số lượng cổ phiếu đã phát hành là 31.181.285 cổ phiếu, tương đương 311.812.850.000 đồng.

Đến ngày 31/12/2017, tình hình tăng giảm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Vốn điều lệ	2.235.489.620.000	311.812.850.000		2.547.302.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	23.284.722.214	46.771.927.500	11.000.000	70.045.649.714
	2.258.774.342.214	358.584.777.500	11.000.000	2.617.348.119.714

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 28 ngày 27/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 2.547.302.470.000 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 2.235.489.620.000 đồng). Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ s ở hữu	2.547.302.470.000	2.235.489.620.000
- Vốn góp đầu kỳ	2.235.489.620.000	1.792.124.770.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	311.812.850.000	443.364.850.000
- Vốn góp cuối kỳ	2.547.302.470.000	2.235.489.620.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	254.730.247	223.548.962
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	254.730.247	223.548.962
- Cổ phiếu phổ thông	254.730.247	223.548.962
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	254.730.247	223.548.962
- Cổ phiếu phổ thông	254.730.247	223.548.962
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngoại tệ các loại	2.547.302.470.000	2.235.489.620.000
Ngoại tệ USD	2.235.489.620.000	1.792.124.770.000
Ngoại tệ EUR	311.812.850.000	443.364.850.000

Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ

Đây là các thành phẩm đã xuất bán cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam nhưng còn được gửi tại kho Công ty Cổ phần Dược Phẩm Euvipharm - Thành viên Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T tại ngày 31/12/2017 (xem thuyết minh số 24). Chi tiết các lô hàng gồm:

STT	Mã hàng	Tên hàng	Số lô	Hạn dùng	ĐVT	Số lượng
1	AN2182T	SIMVASTATIN 10mg	2185001	07/04/2018	Viên	19.542
2	AN0051T	ACEFALGAN 150	0055011	07/05/2018	Gói	26
3	AN0271T	EUXAMUS 100	0276001	18/05/2018	Gói	2.502
4	AN1792T	ATORVASTATIN 10mg	1795001	19/05/2018	Viên	19.166
5	AN1792T	ATORVASTATIN 10mg	1795002	19/05/2018	Viên	28.175
6	AN1792T	ATORVASTATIN 10mg	1795003	19/05/2018	Viên	28.339
7	AN1802T	ATORVASTATIN 20mg	1805001	16/06/2018	Viên	22.899
8	AN1802T	ATORVASTATIN 20mg	1805001	16/06/2018	Viên	28.493
9	AN2081T	COLCHICINE 1mg	1805002	05/08/2018	Viên	4.615
10	AN2081T	COLCHICINE 1mg	2085003	06/08/2018	Viên	14.089
11	AN2771T	ACEFALGAN 500	2085004	11/08/2018	Viên	50
12	AN2141T	ZYRIMAX 300	2775005	13/08/2018	Viên	9.156
13	AN1792T	ATORVASTATIN 10mg	2145002	25/08/2018	Viên	24.652
14	AN1792T	ATORVASTATIN 10mg	1795004	26/08/2018	Viên	28.444
15	AN1792T	ATORVASTATIN 10mg	1795005	26/08/2018	Viên	29.167
16	AN1802T	ATORVASTATIN 20mg	1795006	26/08/2018	Viên	25.176
17	AN2002T	MOTIRIDON	1805003	28/08/2018	Chai	50
18	AN2002T	MOTIRIDON	2005055	29/08/2018	Chai	1.561
19	AN2002T	MOTIRIDON	2005057	31/08/2018	Chai	3.075
20	AN2002T	MOTIRIDON	2005058	07/09/2018	Chai	3.043
21	AN2002T	MOTIRIDON	2005059	07/09/2018	Chai	3.032
22	AN2002T	MOTIRIDON	2005060	08/09/2018	Chai	3.054
23	AN2002T	MOTIRIDON	2005061	08/09/2018	Chai	3.061
24	AN2002T	MOTIRIDON	2005062	08/09/2018	Chai	3.056
25	AN2002T	MOTIRIDON	2005063	09/09/2018	Chai	3.053
26	AN2002T	MOTIRIDON	2005064	09/09/2018	Chai	3.035
27	AN2002T	MOTIRIDON	2005065	09/09/2018	Chai	3.051
28	AN2002T	MOTIRIDON	2005066	10/09/2018	Chai	3.119
29	AN2771T	ACEFALGAN 500	2005067	25/09/2018	Viên	1.996

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (tiếp theo)

STT	Mã hàng	Tên hàng	Số lô	Hạn dùng	ĐVT	Số lượng
30	AN2771T	ACEFALGAN 500	2775011	28/09/2018	Viên	1.987
31	AN2771T	ACEFALGAN 500	2775012	28/09/2018	Viên	1.984
32	AN2141T	ZYRIMAX 300	2145003	13/10/2018	Viên	14.481
33	AN2141T	ZYRIMAX 300	2145004	14/10/2018	Viên	13.840
34	AN1321T	CIMETIDIN 300mg	1325002	15/10/2018	Viên	127
35	AN2081T	COLCHICINE 1mg	2085005	16/10/2018	Viên	14.403
36	AN2081T	COLCHICINE 1mg	2085006	16/10/2018	Viên	14.435
37	AN2081T	COLCHICINE 1mg	2085007	16/10/2018	Viên	14.481
38	AN2081T	COLCHICINE 1mg	2085008	16/10/2018	Viên	14.563
39	AN1321T	CIMETIDIN 300mg	1325004	02/12/2018	Viên	2.438
40	AN1321T	CIMETIDIN 300mg	1325005	04/12/2018	Viên	2.467
41	AN2222T	SIMVASTATIN 20mg	2226001	28/01/2019	Viên	19.179

Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ tại ngày 31/12/2017 là:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Khách hàng khu vực miền Bắc	2.167.314.544	1.940.872.484
Khách hàng khu vực TP. Hồ Chí Minh	24.941.237.145	22.811.329.192
Cộng	27.108.551.689	24.752.201.676

25. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Hà Nội (miền Bắc), Cần Thơ, Long An, Vĩnh Long (miền Nam). Hoạt động tư vấn, đầu tư, cho thuê văn phòng tại miền Bắc và xuất nhập khẩu nông sản tại miền Nam. Hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, thuốc, kinh doanh thiết bị y tế được đặt tại miền Nam.

Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Tại ngày cuối năm

	Miền Bắc VND	Miền Nam VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	3.335.422.634.533	3.278.419.951.991	(1.714.353.790.500)	4.899.488.796.024
Tổng tài sản hợp nhất				4.899.488.796.024
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	282.993.749.759	629.234.436.410	(10.616.919.769)	901.611.266.400
Tổng nợ phải trả hợp nhất				901.611.266.400
Năm nay				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	35.242.686.232	1.579.782.332.074		1.615.025.018.306
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	12.752.330.406	6.420.000	(12.752.330.406)	
Tổng doanh thu	47.995.016.638	1.579.782.332.074	(12.752.330.406)	1.615.025.018.306
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn	33.705.186.112	1.210.512.196.487	(3.476.868.222)	1.240.740.514.377
Lãi gộp	14.289.830.526	369.270.135.587	(9.275.462.184)	374.284.503.929
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	45.389.687.828	309.305.742.173	(6.506.630.184)	348.188.799.817
Lãi (lỗ) khác	102.352.211	8.491.120.219		8.593.472.430
Doanh thu tài chính	149.137.150.408	31.420.003.819	(15.865.286.488)	164.691.867.739
Chi phí tài chính	10.167.605.941	25.669.908.737	(865.286.488)	34.972.228.190
Doanh thu hoạt động tài chính	138.969.544.467	5.750.095.082	(15.000.000.000)	129.719.639.549
Lợi nhuận trước thuế	107.972.039.376	74.205.608.715	(17.768.832.000)	164.408.816.091
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.407.406.526	26.996.103.992		49.403.510.518
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		2.422.673.292		2.422.673.292
Lợi nhuận trong năm	85.564.632.850	44.786.831.431		112.582.632.281

25. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Tại ngày đầu năm

	Miền Bắc VND	Miền Nam VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.703.917.201.041	3.168.591.423.082	(1.533.185.314.380)	4.339.323.309.743
Tổng tài sản hợp nhất				4.339.323.309.743
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	149.603.688.770	426.961.220.507	(200.000.000)	576.364.909.277
Tổng nợ phải trả hợp nhất				576.364.909.277
Năm nay				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.938.021.611	2.414.815.748.913		2.422.753.770.524
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	12.341.752.420	313.534.685	(12.655.287.105)	
Tổng doanh thu	20.279.774.031	2.415.129.283.598	(12.655.287.105)	2.422.753.770.524
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn	9.950.563.093	1.981.002.125.319	(4.424.386.750)	1.986.528.301.662
Lãi gộp	10.329.210.938	434.127.158.279	(8.230.900.355)	436.225.468.862
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	31.563.108.642	356.219.071.757	10.835.551.798	398.617.732.197
Lãi (lỗ) khác	(1.164.503.318)	1.344.091.235	(40.510.000)	139.077.917
Doanh thu tài chính	236.202.355.257	58.045.744.487	(62.310.052.875)	231.938.046.869
Chi phí tài chính	80.933.045.098	19.466.926.719	(26.448.922.595)	73.951.049.222
Doanh thu hoạt động tài chính	155.269.310.159	38.578.817.768	(35.861.130.280)	157.986.997.647
Lợi nhuận trước thuế	132.870.909.137	117.830.995.525	(54.968.092.433)	195.733.812.229
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.417.002.134	24.325.087.184		50.742.089.318
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.307.583.364		1.307.583.364
Lợi nhuận trong năm	106.453.907.003	92.198.324.977	(54.968.092.433)	143.684.139.547

25. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: Bộ phận tư vấn và đầu tư, Bộ phận sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Bộ phận sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Dưới đây là phân tích doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lĩnh vực tư vấn, đầu tư	22.007.551.697	20.593.308.716
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, hàng tiêu dùng	850.763.967.136	1.677.009.765.848
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dược phẩm và thiết bị y tế	765.341.797.858	737.805.983.065
Loại trừ doanh thu nội bộ	(12.752.330.406)	(12.655.287.105)
	1.625.360.986.285	2.422.753.770.524

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo lĩnh vực kinh doanh của các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình, bất động sản đầu tư	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Lĩnh vực tư vấn, đầu tư	123.496.633.517	16.503.994.010	111.857.970.520	44.400.000
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, hàng tiêu dùng	241.361.273.332	157.876.028.312	102.126.708.467	93.755.912.758
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dược phẩm và thiết bị y tế	275.193.872.910	178.960.231.652	292.196.112.871	13.618.844.459
	640.051.779.759	353.340.253.974	506.180.791.858	107.419.157.217

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng (i)	1.654.885.819.374	2.465.088.209.531
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.779.548.922	18.929.572.512
- Doanh thu kinh doanh BĐS, cho thuê đầu tư	6.408.091.835	3.208.248.792
- Doanh thu khác	1.924.376.078	2.219.380.798
	1.667.997.836.209	2.489.445.411.633
Các khoản giảm trừ doanh thu	42.636.849.924	66.691.641.109
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	21.807.695.388	42.256.376.235
- Giảm giá hàng bán	520.173.399	421.916.989
- Hàng bán bị trả lại	20.308.981.137	24.013.347.885
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.625.360.986.285	2.422.753.770.524

Ghi chú:

(i) Trong đó, có khoản doanh thu bán thành phẩm cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam (“Amigo”) phát sinh trong tháng 06 năm 2017 với giá trị là 20.175.606.077 đồng (giá vốn tương ứng là 6.739.707.115 đồng).
Tại ngày 31/12/2017, một số lô hàng đã bán này vẫn còn được Amigo gửi tại kho Công ty (xem thuyết minh số 21), đồng thời Công ty vẫn còn công nợ phải thu 18.949.699.326 đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa nêu trên chưa thu được với thời hạn thanh toán nợ là 24 tháng.

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa, thành phẩm	1.213.341.092.680	1.966.565.891.695
Giá vốn dịch vụ	3.192.132.822	15.438.430.544
Giá vốn kinh doanh BĐS, cho thuê đầu tư	3.490.546.541	1.982.242.216
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.033.187.576)	(700.598.025)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.356.099.449	1.044.425.773
Giá vốn khác	29.393.830.461	2.197.909.459
Cộng	1.240.740.514.377	1.986.528.301.662

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	656.823.459.703	829.797.321.206
Chi phí nhân công	244.455.572.320	268.885.256.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.013.858.242	41.792.145.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.497.461.137	177.898.891.339
Chi phí dự phòng	1.472.092.489	
Chi phí khác bằng tiền	170.266.758.025	67.375.243.980
Cộng	1.211.529.201.915	1.385.748.859.091

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.424.339.668	68.028.477.769
Lãi bán các khoản đầu tư	27.923.470.935	88.888.389.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.625.535.479	7.605.649.812
Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư	74.188.127.072	53.611.302.098
Lãi chênh lệch tỷ giá	530.394.585	2.203.309.673
Lãi do thoái vốn khỏi TSP		11.469.996.978
Doanh thu tài chính khác		130.920.867
Cộng	164.691.867.739	231.938.046.869

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	41.853.673.182	50.935.974.764
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		3.318.190.668
Lãi phải trả nhà cung cấp	2.470.718.589	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	474.929.755	1.123.487.227
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(14.796.687.652)	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.890.366.444	13.089.677.452
Chi phí tài chính cho hợp đồng hợp tác đầu tư	1.777.228.829	2.894.301.598
Chi phí tài chính khác	1.301.999.043	2.589.417.513
Cộng	34.972.228.190	73.951.049.222

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	64.265.764.510	106.839.358.028
Chi phí đồ dùng văn phòng , vật liệu bao bì	11.589.636.894	491.509.472
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.034.433.999	2.662.638.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.554.886.685	109.614.501.594
Chi phí bằng tiền khác	47.276.470.884	36.226.283.923
Cộng	210.721.192.972	255.834.291.738
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	64.283.464.900	60.518.189.050
Chi phí đồ dùng văn phòng , vật liệu bao bì	1.934.545.200	1.099.123.081
Chi phí khấu hao	3.913.684.314	5.528.788.389
Thuế, phí và lệ phí	839.788.017	5.161.612.811
Chi phí dự phòng	1.561.085.144	17.405.490.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.448.627.929	22.252.804.754
Lợi thế thương mại	24.316.909.973	20.393.400.686
Chi phí bằng tiền khác	12.169.501.368	10.424.031.294
Cộng	137.467.606.845	142.783.440.459

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	49.403.510.518	50.742.089.318

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phi	106.047.360.305	112.029.561.244
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	254.046.822	189.494.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	417	591
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2017, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	563.540.687.354	315.503.757.948
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	44.148.305.882	47.232.054.588
Nợ thuần	519.392.381.472	268.271.703.360
Vốn chủ sở hữu	3.997.877.529.624	3.762.958.400.466
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,13	0,07

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.148.305.882	47.232.054.588
Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	326.964.263.584	631.246.885.908
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.642.018.203.026	1.227.245.102.236
Đầu tư tài chính dài hạn	688.982.180.000	633.166.180.000
Tổng cộng	2.702.112.952.492	2.538.890.222.732
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	563.540.687.354	315.503.757.948
Phải trả người bán và phải trả khác	208.734.470.397	133.651.930.045
Chi phí phải trả	34.408.159.267	24.440.509.581
Tổng cộng	806.683.317.018	473.596.197.574

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã Ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, xác định điểm giới hạn chịu lỗ. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của Nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.148.305.882		44.148.305.882
Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	302.030.219.143	24.934.044.441	326.964.263.584
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.642.018.203.026		1.642.018.203.026
Đầu tư tài chính dài hạn		688.982.180.000	688.982.180.000
Tổng cộng	1.988.196.728.051	713.916.224.441	2.702.112.952.492
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	353.692.888.292	209.847.799.062	563.540.687.354
Phải trả người bán và phải trả khác	187.379.705.718	21.354.764.679	208.734.470.397
Chi phí phải trả	34.408.159.267		34.408.159.267
Tổng cộng	575.480.753.277	231.202.563.741	806.683.317.018
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.412.715.974.774	482.713.660.700	1.895.429.635.474
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.232.054.588		47.232.054.588
Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	624.985.015.793	6.261.870.115	631.246.885.908
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.227.245.102.236		633.166.180.000
Đầu tư tài chính dài hạn		633.166.180.000	2.538.890.222.732
Tổng cộng	1.899.462.172.617	639.428.050.115	2.538.890.222.732
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	291.867.279.413	23.636.478.535	315.503.757.948
Phải trả người bán và phải trả khác	124.205.000.224	9.446.929.821	133.651.930.045
Chi phí phải trả	24.440.509.581		24.440.509.581
Tổng cộng	440.512.789.218	33.083.408.356	473.596.197.574
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.458.949.383.399	606.344.641.759	2.065.294.025.158

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các Thuyết minh số 18, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP FIT Cosmetics		Công ty liên kết	
Chuyển tiền hợp tác đầu tư		860.000.000	5.000.000.000
Mua hàng		77.367.602.442	76.801.772.613
Lãi từ hoạt động đầu tư		3.058.270.670	3.379.496.426
Doanh thu tư vấn, cho thuê văn phòng, doanh thu khác		1.822.248.055	1.770.816.364
Cần trừ công nợ thay lương			1.465.214.936
FIT Cosmetics trả tiền mua hàng		332.037.120	
Chiết khấu thương mại		1.046.425.980	
Công ty CP Nước Khoáng Khánh Hòa		Công ty liên kết	
Mua hàng		215.188.876.665	188.513.248.440
F.I.T chuyển tiền HTĐT cho Vikoda		2.500.000.000	2.500.000.000
Vikoda chuyển tiền HTĐT và lãi cho F.I.T		33.861.112	
Vikoda chuyển tiền dịch vụ cung cấp		6.527.811.207	
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư		7.666.667	26.194.445
Doanh thu tư vấn, cho thuê văn phòng, doanh thu khác		3.079.292.913	4.281.497.269
Nhận ký quỹ, ký cược			4.952.845.115
Chiết khấu thương mại		3.306.329.906	
Trả lại hàng		457.495.472	
Công ty CP Đầu tư Dững Tâm		Cùng thành viên Ban lãnh đạo	
Nhận tiền hợp tác đầu tư		10.000.000.000	
Chi phí hợp tác đầu tư		970.750.000	
Cho thuê văn phòng		293.090.463	434.443.635
Chi phí cho hoạt động tài chính			4.900.000.000
Chi phí lãi trái phiếu			6.000.000.000
Thu tiền cho thuê văn phòng		119.472.000	

35. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các Bên liên quan:

	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP FIT Cosmetics		Công ty liên kết	
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư		33.411.632.350	32.551.632.350
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư		3.163.805.997	105.535.327
Phải thu khách hàng		1.847.476.240	175.040.500
Cho vay ngắn hạn			
Công ty CP Nước Khoáng Khánh Hòa		Công ty liên kết	
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư			26.194.445
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư			2.500.000.000
Phải thu khách hàng			3.140.589.000
Nhận ký quỹ, ký cược		4.962.845.115	4.952.845.115
Công ty CP Đầu tư Dững Tâm		Cùng thành viên Ban lãnh đạo	
Phải trả cho hợp tác đầu tư		10.970.750.000	
Phải thu khách hàng		123.279.510	

Thù lao Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	340.000.000	371.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.606.098.630	1.682.400.000
Cộng	1.946.098.630	2.053.400.000

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 34.738.825.104 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và 706.450.227 đồng là tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và khoản lãi vay đã trả.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 02/NQ-ĐHCD ngày 09 tháng 09 năm 2017, Đại hội đã thông qua việc phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi ra thị trường quốc tế với các nội dung cơ bản sau: tổng giá trị trái phiếu phát hành là 20.000.000 USD, mệnh giá 1.000.000 USD/trái phiếu, loại trái phiếu là trái phiếu chuyển đổi phát hành ra thị trường quốc tế, không có tài sản đảm bảo, được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, lãi suất trái phiếu là 1%/năm tính bằng USD, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm kể từ ngày phát hành. Thời điểm chuyển đổi là sau một năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu DCL, với giá trị chuyển đổi tối thiểu 5.000.000 USD và tối đa tổng cấp số nhân của USD 1.000.000, cổ phiếu chuyển đổi sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM sau khi chuyển đổi, giá chuyển đổi là 25.000 VND/cổ phiếu, tỷ giá chuyển đổi bằng mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi, và sau 3.5 năm kể từ ngày phát hành thì trái phiếu được mua lại theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu. Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu được dùng để đầu tư mở rộng năng lực sản xuất và bổ sung vốn lưu động của Công ty và các công ty con, công ty liên kết.

Ngày 01/02/2018, Công ty đã nhận được văn bản số 775/UBCK-QLCB ngày 31/01/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận cho Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ quốc tế. Ngày 07/02/2018, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 USD giá trị trái phiếu chuyển đổi theo phương án nêu trên cho nhà đầu tư RHINOS VIETNAM CONVERTIBLE BOND PRIVATE INVESTMENT FUND NO.3 do RHINOS ASSET MANAGEMENT CO., LTD quản lý.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Ninh Thị Phương
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Tầng 5 – Times Tower – HACC1 Complex – Số 35 Lê

Văn Lương – Quận Thanh Xuân – Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 309.4688-7309.4689

Fax: (84-24) 7309.4686

Email: info@fitgroup.com.vn

CHI NHÁNH:

Tòa nhà Tập đoàn FIT, 276 Nguyễn Đình

Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 7309.4688-7309.4689

Fax: (84-28) 7309.4686